



TRẦN VĂN THANG (Tổng chủ biên kiêm chủ biên)
DƯƠNG THỊ THUYẾT NGÀ – HOÀNG THỊ THỊNH – MAI THU TRANG

Giáo dục công dân

6

SÁCH GIÁO VIÊN

Cánh Diều



**NHÀ XUẤT BẢN
ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP HỒ CHÍ MINH**

TRẦN VĂN THẮNG (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên)
DƯƠNG THỊ THUÝ NGÀ – HOÀNG THỊ THỊNH – MAI THU TRANG

Giáo dục công dân

SÁCH GIÁO VIÊN

6

Cánh Diều



**NHÀ XUẤT BẢN
ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP HỒ CHÍ MINH**

MỤC LỤC

	Trang
PHẦN THỨ NHẤT	3
MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH, SÁCH GIÁO KHOA VÀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN	
PHẦN THỨ HAI	21
HƯỚNG DẪN DẠY HỌC CÁC BÀI CỤ THỂ	
Bài 1: Tự hào về truyền thống gia đình, dòng họ	21
Bài 2: Yêu thương con người	27
Bài 3: Siêng năng, kiên trì	33
Bài 4: Tôn trọng sự thật	39
Bài 5: Tự lập	44
Bài 6: Tự nhận thức bản thân	52
Bài 7: Ứng phó với các tình huống nguy hiểm từ con người	60
Bài 8: Ứng phó với các tình huống nguy hiểm từ thiên nhiên	67
Bài 9: Tiết kiệm	74
Bài 10: Công dân nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam	82
Bài 11: Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân Việt Nam	87
Bài 12: Quyền trẻ em	94

PHẦN THỨ NHẤT

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH, SÁCH GIÁO KHOA VÀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN LỚP 6

I – MỤC TIÊU MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN VÀ YÊU CẦU CẦN ĐẠT VỀ PHẨM CHẤT, NĂNG LỰC

1. Mục tiêu

Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, môn Giáo dục công dân (GDCC) được thực hiện ở ba cấp học: Ở cấp Tiểu học gọi là môn Đạo đức; ở cấp Trung học cơ sở (THCS) gọi là môn GDCC; ở cấp Trung học phổ thông gọi là môn Giáo dục kinh tế và pháp luật.

Mục tiêu của môn GDCC ở cấp THCS nhằm:

a) Giúp học sinh (HS) có hiểu biết về những chuẩn mực đạo đức, pháp luật cơ bản và giá trị, ý nghĩa của các chuẩn mực đó; tự hào về truyền thống gia đình, quê hương, dân tộc; tôn trọng, khoan dung, quan tâm, giúp đỡ người khác; tự giác, tích cực học tập và lao động; có thái độ đúng đắn, rõ ràng trước các hiện tượng, sự kiện trong đời sống; có trách nhiệm với bản thân, gia đình, nhà trường, xã hội, công việc và môi trường sống.

b) Giúp HS có tri thức phổ thông, cơ bản về đạo đức, kỹ năng sống, kinh tế, pháp luật; đánh giá được thái độ, hành vi của bản thân và người khác; tự điều chỉnh và nhắc nhở, giúp đỡ bạn bè, người thân điều chỉnh thái độ, hành vi theo chuẩn mực đạo đức, pháp luật; thực hiện được các công việc để đạt mục tiêu, kế hoạch hoàn thiện, phát triển bản thân; biết cách thiết lập, duy trì mối quan hệ hoà hợp với những người xung quanh, thích ứng với xã hội biến đổi và giải quyết các vấn đề đơn giản trong đời sống của cá nhân, cộng đồng phù hợp với giá trị văn hoá, chuẩn mực đạo đức, quy tắc của cộng đồng, quy định của pháp luật và lứa tuổi.

2. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực

Môn GDCC nhằm góp phần hình thành và phát triển cho HS năm phẩm chất chủ yếu, được quy định trong Chương trình Giáo dục phổ thông tổng thể: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm ở mức độ phù hợp với lứa tuổi HS từng lớp.

Môn GDCD có ba năng lực đặc thù là: năng lực điều chỉnh hành vi, năng lực phát triển bản thân, năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế – xã hội. Các năng lực đặc thù này là biểu hiện đặc thù của các năng lực chung và năng lực khoa học đã được nêu trong Chương trình tổng thể.

Chương trình môn GDCD quy định yêu cầu cần đạt về các năng lực đặc thù này đối với HS THCS như sau:

Năng lực điều chỉnh hành vi

** Nhận thức chuẩn mực hành vi*

- Nhận biết được những chuẩn mực đạo đức, pháp luật phổ thông, cơ bản, phù hợp với lứa tuổi và giá trị, ý nghĩa của các chuẩn mực hành vi đó.
- Có kiến thức cơ bản để nhận thức, quản lý, tự bảo vệ bản thân và thích ứng với những thay đổi trong cuộc sống.
- Nhận biết được mục đích, nội dung, phương thức giao tiếp và hợp tác trong việc đáp ứng các nhu cầu của bản thân và giải quyết các vấn đề học tập, sinh hoạt hằng ngày.
- Nhận biết được sự cần thiết phải tiết kiệm tiền; nguyên tắc quản lý tiền; cách lập kế hoạch chi tiêu và tiêu dùng thông minh.

** Đánh giá hành vi của bản thân và người khác*

- Đánh giá được tác dụng và tác hại của thái độ, hành vi đạo đức và pháp luật của bản thân và người khác trong học tập và sinh hoạt.
- Đồng tình, ủng hộ những thái độ, hành vi tích cực; phê phán, đấu tranh với những thái độ, hành vi tiêu cực về đạo đức và pháp luật.
- Đánh giá được bối cảnh giao tiếp, đặc điểm và thái độ của đối tượng giao tiếp; khả năng và nguyện vọng của bản thân, khả năng của các thành viên trong nhóm hợp tác.

** Điều chỉnh hành vi*

- Tự thực hiện những công việc của bản thân trong học tập và cuộc sống; phê phán những hành vi, thói quen sống dựa dẫm, ỷ lại.
- Tự điều chỉnh và nhắc nhở, giúp đỡ bạn bè, người thân điều chỉnh được cảm xúc, thái độ, hành vi phù hợp với chuẩn mực đạo đức, pháp luật và phù hợp với lứa tuổi; sống tự chủ, không đua đòi, ăn tiêu lãng phí, nghịch ngợm, càn quấy, không làm những việc xấu (bạo lực học đường, mắc tệ nạn xã hội,...); biết rèn luyện, phát huy ưu điểm, khắc phục hạn chế của bản thân, hướng đến các giá trị xã hội.
- Tự thực hiện và giúp đỡ bạn bè thực hiện được một số hoạt động cơ bản, cần thiết để nhận thức, phát triển, tự bảo vệ bản thân và thích ứng với những thay đổi trong cuộc sống.

- Tiết kiệm tiền bạc, đồ dùng, thời gian, điện nước; bước đầu biết quản lí tiền, tạo nguồn thu nhập cá nhân và chi tiêu hợp lí.

Năng lực phát triển bản thân

** Tự nhận thức bản thân*

Tự nhận biết được sở thích, điểm mạnh, điểm yếu, giá trị, vị trí và các quan hệ xã hội của bản thân.

** Lập kế hoạch phát triển bản thân*

- Xác định được lí tưởng sống của bản thân; lập được mục tiêu, kế hoạch học tập và rèn luyện, kế hoạch chi tiêu cá nhân phù hợp theo hướng dẫn.
- Xác định được hướng phát triển phù hợp của bản thân sau THCS với sự tư vấn của thầy cô giáo và người thân.

** Thực hiện kế hoạch phát triển bản thân*

- Kiên trì mục tiêu, kế hoạch học tập và rèn luyện; tự thực hiện được các công việc, nhiệm vụ của bản thân trong học tập và sinh hoạt hằng ngày.
- Thực hiện được việc quản lí và chi tiêu tiền hợp lí theo kế hoạch đã đề ra.

Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế – xã hội

** Tìm hiểu các hiện tượng kinh tế – xã hội*

- Hiểu được một số kiến thức phổ thông, cơ bản về đạo đức, kĩ năng sống, kinh tế, pháp luật.
- Nhận biết được một số hiện tượng, sự kiện, vấn đề của đời sống xã hội liên quan đến đạo đức, pháp luật, kĩ năng sống và kinh tế phù hợp với lứa tuổi.
- Bước đầu biết cách thu thập, xử lí thông tin để tìm hiểu một số hiện tượng, sự kiện, vấn đề đạo đức, kĩ năng sống, pháp luật, kinh tế phù hợp với lứa tuổi.

** Tham gia các hoạt động kinh tế – xã hội*

- Lựa chọn, đề xuất được cách giải quyết và tham gia giải quyết được các vấn đề thường gặp hoặc một số vấn đề về đạo đức, kĩ năng sống, pháp luật, kinh tế phù hợp với lứa tuổi trong những tình huống mới của cá nhân, gia đình, cộng đồng.
- Hình thành, duy trì được mối quan hệ hoà hợp với những người xung quanh và thích ứng được với xã hội biến đổi.
- Nêu được tình huống có vấn đề; hình thành được ý tưởng mới trong học tập và cuộc sống; có khả năng tham gia thảo luận, tranh luận về một số vấn đề đạo đức, kĩ năng sống, pháp luật, kinh tế phù hợp với lứa tuổi.
- Biết lắng nghe tích cực trong giao tiếp; đề xuất được phương án tổ chức, chủ động hoàn thành nhiệm vụ được giao; khiêm tốn học hỏi và giúp đỡ các thành viên khác cùng hoàn thành nhiệm vụ của nhóm trong hợp tác giải quyết các vấn đề học tập, lao động và hoạt động cộng đồng.

II – NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN LỚP 6

1. Cấu trúc nội dung chương trình môn Giáo dục công dân lớp 6

Nội dung chương trình môn GDCD lớp 6 nằm trong cấu trúc tổng thể của Chương trình môn GDCD ở THCS, tập trung vào 4 lĩnh vực: Giáo dục đạo đức, Giáo dục kỹ năng sống, Giáo dục kinh tế, Giáo dục pháp luật.

Giáo dục đạo đức gồm 5 chủ đề:

- Tự hào về truyền thống gia đình, dòng họ;
- Yêu thương con người;
- Siêng năng, kiên trì;
- Tôn trọng sự thật;
- Tự lập.

Thời lượng dành cho Giáo dục đạo đức là 35% tổng số tiết học.

Giáo dục kỹ năng sống gồm 2 chủ đề:

- Tự nhận thức bản thân;
- Ứng phó với các tình huống nguy hiểm.

Thời lượng dành cho Giáo dục kỹ năng sống là 20% tổng số tiết học.

Giáo dục kinh tế gồm 1 chủ đề: Tiết kiệm.

Thời lượng dành cho Giáo dục kinh tế là 10% tổng số tiết học.

Giáo dục pháp luật gồm 2 chủ đề:

- Công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Quyền trẻ em.

Thời lượng dành cho Giáo dục pháp luật là 25% tổng số tiết học.

2. Nội dung cụ thể của chương trình

Nội dung chủ đề	Bài học	Yêu cầu cần đạt
Tự hào về truyền thống gia đình, dòng họ	Bài 1. Tự hào về truyền thống gia đình, dòng họ	– Nêu được một số truyền thống của gia đình, dòng họ. – Giải thích được một cách đơn giản ý nghĩa của truyền thống gia đình, dòng họ. – Biết giữ gìn, phát huy truyền thống gia đình, dòng họ bằng những việc làm cụ thể, phù hợp.

Yêu thương con người	Bài 2. Yêu thương con người	– Nêu được khái niệm và biểu hiện của tình yêu thương con người. – Trình bày được giá trị của tình yêu thương con người. – Thực hiện được những việc làm thể hiện tình yêu thương con người. – Đánh giá được thái độ, hành vi thể hiện tình yêu thương con người của người khác. – Phê phán những biểu hiện trái với tình yêu thương con người.
Siêng năng, kiên trì	Bài 3. Siêng năng, kiên trì	– Nêu được khái niệm và biểu hiện của siêng năng, kiên trì. – Nhận biết được ý nghĩa của siêng năng, kiên trì. – Siêng năng, kiên trì trong lao động, học tập và trong cuộc sống hằng ngày. – Đánh giá được sự siêng năng, kiên trì; góp ý cho những bạn có biểu hiện lười biếng, hay nản lòng để khắc phục hạn chế này.
Tôn trọng sự thật	Bài 4. Tôn trọng sự thật	– Nhận biết được một số biểu hiện của tôn trọng sự thật. – Hiểu vì sao phải tôn trọng sự thật. – Luôn nói thật với người thân, thầy cô, bạn bè và người có trách nhiệm. – Không đồng tình với việc nói dối hoặc che giấu sự thật.
Tự lập	Bài 5. Tự lập	– Nêu được khái niệm tự lập. – Liệt kê được các biểu hiện của người có tính tự lập. – Hiểu vì sao phải tự lập. – Đánh giá được khả năng tự lập của bản thân và người khác. – Tự thực hiện được nhiệm vụ của bản thân trong học tập, sinh hoạt hằng ngày, hoạt động tập thể ở trường và trong cuộc sống cộng đồng; không dựa dẫm, ỷ lại và phụ thuộc vào người khác.

Tự nhận thức bản thân	Bài 6. Tự nhận thức bản thân	– Nêu được thế nào là tự nhận thức bản thân. – Nhận biết được ý nghĩa của tự nhận thức bản thân. – Tự nhận thức được điểm mạnh, điểm yếu, giá trị, vị trí, tình cảm, các mối quan hệ của bản thân. – Biết tôn trọng bản thân. – Xây dựng được kế hoạch phát huy điểm mạnh và hạn chế điểm yếu của bản thân.
Ứng phó với các tình huống nguy hiểm	Bài 7. Ứng phó với các tình huống nguy hiểm từ con người	– Nhận biết được các tình huống nguy hiểm và hậu quả của các tình huống nguy hiểm từ con người. – Nêu được cách ứng phó với một số tình huống nguy hiểm từ con người. – Thực hành được cách ứng phó trước một số tình huống nguy hiểm từ con người để đảm bảo an toàn.
	Bài 8. Ứng phó với các tình huống nguy hiểm từ thiên nhiên	– Nhận biết được các tình huống nguy hiểm và hậu quả của các tình huống nguy hiểm từ thiên nhiên. – Nêu được cách ứng phó với một số tình huống nguy hiểm từ thiên nhiên. – Thực hành được cách ứng phó trước một số tình huống nguy hiểm từ thiên nhiên để đảm bảo an toàn.
Tiết kiệm	Bài 9. Tiết kiệm	– Nêu được khái niệm tiết kiệm và biểu hiện của tiết kiệm (tiền bạc, đồ dùng, thời gian, điện, nước,...). – Hiểu vì sao phải tiết kiệm. – Thực hành tiết kiệm trong cuộc sống, học tập. – Nhận xét, đánh giá được việc thực hành tiết kiệm của bản thân và của những người xung quanh. – Phê phán những biểu hiện lãng phí.

Công dân nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam	Bài 10. Công dân nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam	– Nêu được khái niệm công dân. – Nêu được căn cứ xác định công dân nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
	Bài 11. Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân	– Nêu được quy định của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam về quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân. – Bước đầu thực hiện được một số quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.
Quyền trẻ em	Bài 12. Quyền trẻ em	– Nêu được các quyền cơ bản của trẻ em; ý nghĩa của quyền trẻ em và việc thực hiện quyền trẻ em; trách nhiệm của gia đình, nhà trường và xã hội trong việc thực hiện quyền trẻ em. – Phân biệt được hành vi thực hiện quyền trẻ em và hành vi vi phạm quyền trẻ em của bản thân, gia đình, nhà trường, cộng đồng; bày tỏ được nhu cầu để thực hiện tốt hơn quyền trẻ em.

III – TÀI LIỆU VÀ PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN LỚP 6

1. Sách và tài liệu

a) Sách giáo khoa

Sách giáo khoa (SGK) là tài liệu chính và quan trọng nhất của giáo viên (GV) và HS để dạy và học trong nhà trường phổ thông. SGK là phương tiện nhằm cụ thể hoá các mục tiêu, yêu cầu, nội dung, phương pháp của Chương trình giáo dục phổ thông.

SGK môn GDCCD được biên soạn trên cơ sở chương trình môn GDCCD, cụ thể hoá mỗi chủ đề trong chương trình mỗi lớp học thành nội dung bài học. Chương trình được xây dựng theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực HS, nên SGK được biên soạn để HS, dưới sự tổ chức, hướng dẫn của GV, tham gia vào các hoạt động học tập một cách tích cực, chủ động và sáng tạo. Thông qua các hoạt động học tập, HS từng bước được hình thành các năng lực đặc thù cũng như các năng lực chung của môn học.

Mỗi bài học trong SGK được thiết kế theo một cấu trúc thống nhất, gồm các phần:

Khởi động: nhằm thu hút HS, tạo tâm thế cho HS chuẩn bị vào bài học mới.

Khám phá: nội dung phần Khám phá không cung cấp sẵn kiến thức cho HS, mà thiết kế thành các hoạt động học tập, thông qua đó, với sự hướng dẫn, hỗ trợ của GV, HS được trải nghiệm, với các câu hỏi khai thác nội dung thông tin, tình huống, hình ảnh,... để tự khám phá, phát hiện, tự hình thành nên kiến thức bài học cho mình.

Luyện tập: gồm các bài tập tự luận, tình huống,... nhằm củng cố, rèn luyện HS theo các nội dung đã được thực hiện trong phần *Khám phá*, tạo điều kiện cho HS tăng cường rèn luyện, để hình thành, phát triển các năng lực cần thiết theo yêu cầu của mỗi bài học; đồng thời, rèn luyện cho học sinh các kỹ năng: phân tích, nhận xét đánh giá, so sánh,...

Vận dụng: nhằm tạo điều kiện cho HS thực hành, vận dụng kiến thức, kỹ năng bài học vào đời sống thực tiễn ở trong giờ học cũng như ngoài giờ học, thông qua các bài tập, yêu cầu vận dụng.

b) Sách giáo viên

Sách giáo viên (SGV) là tài liệu dành riêng cho GV, là tài liệu hướng dẫn GV về mục tiêu và nội dung chương trình, phương tiện, phương pháp, tài liệu dạy học và cách tổ chức dạy học từng bài học trong Chương trình môn GD&CD lớp 6.

c) Các tài liệu khác

Ngoài SGK và SGV môn GD&CD lớp 6 còn có một số sách bổ trợ, sách tham khảo khác thuộc bộ sách *Cánh Diều*, hỗ trợ GV và HS trong quá trình tổ chức dạy học. Các tài liệu này được biên soạn, xuất bản nhằm đáp ứng nhu cầu thiết thực của việc dạy học môn GD&CD lớp 6; giúp HS lớp 6 và GV thuận lợi hơn trong tổ chức các hoạt động dạy học theo hướng thiết kế các bài tập, hoạt động thực hành, bổ sung cho các bài tập, hoạt động thực hành trong SGK GD&CD 6 *Cánh Diều*. HS có thể thực hiện các bài tập điền ngay vào sách, thay vì điền, viết vào SGK.

Sử dụng các tài liệu bổ trợ, tham khảo, HS sẽ được luyện tập nhiều hơn, qua đó củng cố nội dung bài học, nhất là HS được thực hành, vận dụng nhiều hơn vào thực tiễn cuộc sống. Các sách bổ trợ SGK và sách tham khảo của SGK *Cánh Diều* bao gồm:

- Bài tập *Giáo dục công dân 6*;
- Vở bài tập *Giáo dục công dân 6*;
- Truyện đọc *Giáo dục công dân 6*.

2. Thiết bị, phương tiện dạy học

Dạy học môn GD&CD theo định hướng phát triển năng lực HS đòi hỏi phải tăng

cường sử dụng các thiết bị, phương tiện dạy học, nhằm tạo nội dung, hình ảnh trực quan sinh động, tăng tính hấp dẫn, hứng thú cho HS khi tham gia vào bài học. Các thiết bị, phương tiện sử dụng trong giờ học GD&CD có thể là:

- Tranh ảnh;
- Các bảng biểu, sơ đồ, mô hình;
- Máy trình chiếu, băng hình, video clip;
- Phiếu học tập;
- Giấy khổ lớn;
- Đồ dùng để thực hiện trò chơi;
- ...

IV – PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN LỚP 6

Có thể sử dụng nhiều phương pháp dạy học khác nhau trong quá trình dạy học môn GD&CD lớp 6. Dưới đây là một số phương pháp dạy học phổ biến, có tác dụng phát huy tính tích cực học tập, giúp HS phát triển các năng lực chung và năng lực đặc thù của môn học.

1. Phương pháp làm việc nhóm

a) Đặc điểm

Phương pháp làm việc nhóm là phương pháp tổ chức cho HS hoạt động theo những nhóm nhỏ để HS cùng thực hiện một nhiệm vụ cụ thể trong một khoảng thời gian nhất định. Trong quá trình làm việc, có sự kết hợp giữa làm việc cá nhân với làm việc theo cặp, theo nhóm để cùng nhau chia sẻ kinh nghiệm và hợp tác để thực hiện nhiệm vụ được giao.

Phương pháp làm việc nhóm có tác dụng phát triển cho HS năng lực hợp tác, năng lực giao tiếp, năng lực tư duy phê phán,...

b) Cách thực hiện

- GV nêu nhiệm vụ học tập hoặc vấn đề cần tìm hiểu và phương pháp học tập cho cả lớp.
- Chia HS thành các nhóm học tập và phân công vị trí làm việc cho các nhóm. Tùy theo nhiệm vụ, quy mô nhóm có thể khác nhau.
- Giao nhiệm vụ cho mỗi nhóm HS. Mỗi nhóm có thể thực hiện một nhiệm vụ riêng biệt trong gói nhiệm vụ chung hoặc tất cả các nhóm đều thực hiện cùng một nhiệm vụ. Cần quy định thời gian làm việc và sản phẩm cần đạt của mỗi nhóm.

- Hướng dẫn hoạt động của nhóm HS: Nhóm trưởng điều khiển hoạt động, HS làm việc cá nhân, theo cặp, theo nhóm, chia sẻ kinh nghiệm, thảo luận và thống nhất kết quả chung, thư kí ghi chép kết quả làm việc nhóm, phân công đại diện trình bày kết quả trước lớp.
- GV quan sát, hỗ trợ các nhóm thảo luận giải quyết nhiệm vụ được giao.
- Đại diện từng nhóm trình bày kết quả làm việc của nhóm. Các nhóm khác quan sát, lắng nghe, chất vấn, bình luận và bổ sung ý kiến.
- GV nhận xét và tổng kết.

c) Ví dụ minh họa

- Khi dạy bài “Yêu thương con người”, GV có thể tổ chức cho HS làm việc nhóm, quan sát 6 hình ảnh trong mục 2, trang 11 để mô tả nội dung và đặt tên cho từng bức hình trên và nêu các biểu hiện của yêu thương con người và biểu hiện chưa yêu thương con người.
- Tổ chức cho HS làm việc nhóm theo các câu hỏi, yêu cầu:
 - + *Em hãy mô tả nội dung và đặt tên cho từng bức hình trên.*
 - + *Hãy nêu các biểu hiện của yêu thương con người và biểu hiện chưa yêu thương con người.*

d) Một số lưu ý

- Chỉ sử dụng phương pháp làm việc nhóm để giải quyết những nhiệm vụ học tập khó, đòi hỏi sự tham gia của nhiều thành viên.
- Có nhiều cách chia nhóm. Quy mô nhóm có thể lớn hoặc nhỏ, tùy theo điều kiện lớp học và tùy theo nhiệm vụ của nhóm. Không nên chia nhóm quá đông để tránh tình trạng một số HS ỷ lại, không tham gia hoạt động.
- Mỗi nhóm nên có một nhóm trưởng để điều khiển và một thư kí để ghi biên bản thảo luận nhóm. HS cần được luân phiên nhau làm “nhóm trưởng”, “thư kí” cũng như luân phiên đại diện cho nhóm để trình bày kết quả thảo luận.
- Nhiệm vụ giao cho nhóm HS phải phù hợp với chủ đề bài học, với khả năng của HS lớp 6, phù hợp với thời lượng và cơ sở vật chất, trang thiết bị của lớp học.
- Nhiệm vụ của mỗi nhóm có thể giống hoặc khác nhau.
- Các thành viên trong nhóm phải nắm vững nhiệm vụ của nhóm và của bản thân. Mỗi cá nhân đều được phân công trách nhiệm thực hiện một phần của công việc và tích cực làm việc để đóng góp vào kết quả chung. Tránh tình trạng chỉ nhóm trưởng và thư kí làm việc.

- Khi trao đổi, chia sẻ, thảo luận nhóm, các thành viên đều phải tuân theo sự điều khiển của nhóm trưởng, lắng nghe ý kiến của bạn trong nhóm và mạnh dạn chia sẻ suy nghĩ, ý tưởng của bản thân.
- Cách trình bày kết quả hoạt động nhóm có thể theo nhiều hình thức (bằng lời, bằng tranh vẽ, bằng tiểu phẩm, bằng văn bản viết,...; có thể do một người thay mặt nhóm trình bày hoặc có thể do nhiều người trình bày, mỗi người một đoạn nối tiếp nhau).
- GV phải theo dõi các nhóm HS hoạt động, khuyến khích và hỗ trợ các em khi cần thiết.
- HS cần được tự đánh giá kết quả hoạt động của nhóm mình và đánh giá kết quả hoạt động của nhóm khác.

2. Phương pháp xử lý tình huống

a) Đặc điểm

Phương pháp xử lý tình huống là phương pháp tổ chức cho HS xem xét, phân tích những vấn đề/tình huống cụ thể thường gặp phải trong đời sống thực tiễn và xác định cách giải quyết, xử lý vấn đề/tình huống đó một cách hiệu quả, phù hợp với các chuẩn mực đạo đức, pháp luật trong thực tiễn.

Phương pháp xử lý tình huống giữ vai trò quan trọng trong việc phát triển cho HS các năng lực giải quyết vấn đề, tư duy phê phán, tư duy sáng tạo.

b) Cách thực hiện

- GV nêu tình huống và hướng dẫn HS nhận dạng, xác định tình huống:
 - + Tình huống xảy ra ở đâu?
 - + Tình huống xảy ra khi nào?
 - + Tình huống xảy ra với ai?
 - + Vấn đề cần giải quyết là gì?
- GV giao nhiệm vụ xử lý tình huống cho HS/nhóm HS và hướng dẫn các em các bước để xử lý tình huống:
 - + Thu thập thông tin có liên quan đến tình huống đặt ra;
 - + Liệt kê/phân đoán các cách giải quyết có thể có;
 - + Phân tích, đánh giá kết quả mỗi cách giải quyết;
 - + So sánh kết quả các cách giải quyết;
 - + Lựa chọn cách giải quyết tối ưu.
- HS/các nhóm HS làm việc, thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Một số HS/đại diện nhóm HS trình bày kết quả.
- GV tổng kết các ý kiến của HS và định hướng cho các em cách giải quyết phù hợp với chuẩn mực đạo đức xã hội.

c) Ví dụ minh họa

Khi dạy mục 2, bài 4 “Tôn trọng sự thật”, GV có thể tổ chức cho HS xử lý tình huống sau:

Mai và Thảo cùng học lớp 6C do Mai làm lớp trưởng. Hai bạn rất thân với nhau. Mai học giỏi, còn Thảo thì học hành chưa được chăm chỉ, hay thiếu bài tập về nhà. Là cán bộ lớp, Mai báo cáo với cô giáo về tình hình chuẩn bị bài của lớp mình, nhưng lại không báo cáo với cô về tình hình của Thảo.

Trong việc này, ở lớp có các ý kiến khác nhau:

- Có ý kiến cho rằng, Mai làm như vậy thể hiện Mai là một người bạn tốt của Thảo.
- Một số ý kiến khác thì cho rằng, Mai làm như vậy là không nói đúng sự thật, cũng không tốt cho Thảo.

Câu hỏi:

a) Em đồng ý hay không đồng ý với ý kiến nào trên đây? Vì sao?

b) Nếu em là Mai, em sẽ làm gì? Vì sao?

d) Một số lưu ý

- Các tình huống đưa ra để HS xử lý, giải quyết cần thoả mãn các yêu cầu sau:
 - + Phù hợp với chủ đề bài học GDĐĐ.
 - + Phù hợp với trình độ nhận thức của HS lớp 6 cả về độ khó và độ dài.
 - + Gắn gũi với cuộc sống thực của HS lớp 6.
 - + Tình huống phải chứa đựng những mâu thuẫn cần giải quyết, gợi ra cho HS nhiều hướng suy nghĩ, nhiều cách giải quyết vấn đề.
- Có thể tổ chức cho các nhóm HS xử lý, giải quyết cùng một tình huống hoặc các tình huống khác nhau, tùy theo mục đích của hoạt động.
- HS cần xác định rõ tình huống trước khi xử lý.
- Có thể sử dụng kỹ thuật động não để HS cả lớp liệt kê các phương án giải quyết có thể xảy ra, trước khi giao nhiệm vụ cho HS/nhóm HS xử lý, lựa chọn phương án giải quyết tối ưu.
- Cách giải quyết tối ưu đối với mỗi HS/nhóm HS có thể giống hoặc khác nhau, tùy thuộc vào hoàn cảnh, cảm xúc và giá trị của các em.

3. Phương pháp giải quyết vấn đề

a) Đặc điểm

Phương pháp giải quyết vấn đề là phương pháp trong đó GV gợi mở để HS nêu lên một vấn đề, hoặc GV nêu lên một vấn đề có những mâu thuẫn của các hiện tượng đạo đức, pháp luật, kinh tế. GV giúp HS thảo luận, phân tích bản chất của vấn đề, tìm hiểu nguyên nhân và tìm ra giải pháp, biện pháp giải quyết mâu thuẫn của vấn đề đặt ra.

Mỗi vấn đề thường có nhiều cách giải quyết khác nhau, GV cần giúp HS phân tích ưu điểm và nhược điểm của mỗi phương pháp để tìm ra cách giải quyết tối ưu.

b) Cách tiến hành

- Nêu vấn đề: Tại sao trong HS hiện nay có hiện tượng nghiện game?
- Đặt HS vào hoàn cảnh giải quyết: Giả sử trong gia đình em có anh hay em, hoặc trong lớp em có bạn nghiện game, em sẽ đề xuất giải pháp nào?
- Giúp HS tìm hiểu những nguyên nhân dẫn tới hiện tượng trên.
- Giúp HS nêu lên cách giải quyết vấn đề.
- Phân tích ưu, nhược điểm của các giải pháp.
- Quyết định chọn giải pháp tốt nhất.

c) Ví dụ minh họa

Khi dạy bài “Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân”, GV giao HS làm bài tập 1 trong phần Luyện tập: Nghệ sĩ V bị một người sử dụng Facebook dùng lời lẽ xúc phạm danh dự trên trang Facebook của mình. Điều này đã dẫn đến sự phiền toái, thậm chí thiệt hại cho nghệ sĩ V, làm ảnh hưởng đến danh dự, uy tín của nghệ sĩ V.

Trong trường hợp này, nghệ sĩ V cần làm gì để bảo vệ danh dự, nhân phẩm của mình?

d) Một số lưu ý

- Vấn đề được lựa chọn phải phù hợp với mục tiêu và gần với thực tế.
- Phải phát huy được tính độc lập, sáng tạo của HS.
- Cách giải quyết vấn đề phải là giải pháp hợp lý nhất.

4. Phương pháp đóng vai

a) Đặc điểm

Phương pháp đóng vai là phương pháp tổ chức cho HS thực hành, “làm thử” một số cách ứng xử nào đó trong một tình huống giả định. Đây là phương pháp nhằm giúp HS suy nghĩ sâu sắc về một vấn đề bằng cách tập trung vào một sự việc cụ thể mà các em vừa thực hiện hoặc quan sát được.

Phương pháp đóng vai thường gắn với phương pháp xử lý tình huống và có vai trò quan trọng trong việc phát triển cho HS các năng lực: giao tiếp, giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo,...

b) Cách thực hiện

Có thể tiến hành đóng vai theo các bước sau:

- GV nêu chủ đề, chia nhóm và nêu tình huống, giao nhiệm vụ đóng vai cho từng nhóm. Mỗi tình huống có thể phân công một hoặc một vài nhóm cùng đóng vai.
- GV cần quy định rõ thời gian chuẩn bị và thời gian đóng vai của mỗi nhóm.
- Các nhóm thảo luận, xây dựng kịch bản và phân công đóng vai. Trong khi HS thảo luận và chuẩn bị đóng vai, GV nên đi đến từng nhóm lắng nghe và gợi ý, giúp đỡ HS khi cần thiết.
- Các nhóm lên đóng vai.
- Thảo luận lớp: nhận xét về cách ứng xử, cách thể hiện của các vai diễn.
- GV kết luận, định hướng cho HS về cách ứng xử tích cực trong tình huống đã được đóng vai.

c) Ví dụ minh họa

Khi dạy bài “Yêu thương con người” GV có thể tổ chức cho HS đóng vai ứng xử trong tình huống sau:

Sau buổi học, Bình và Thân cùng đi bộ về nhà. Bỗng có một người phụ nữ lại gần hỏi thăm đường. Bình định dừng lại thì Thân kéo tay Bình: “Thôi mình về đi, muộn rồi, chỉ đường cho người khác không phải là việc của mình.”

d) Một số lưu ý

- Tình huống đóng vai phải phù hợp với chủ đề bài học đạo đức, phù hợp với lứa tuổi, trình độ HS lớp 6 và điều kiện, hoàn cảnh lớp học.
- Tình huống không nên quá dài và phức tạp.
- Tình huống phải có nhiều cách giải quyết.
- Tình huống cần để mở để HS tự tìm cách giải quyết, cách ứng xử phù hợp; không cho HS trước “kịch bản”, lời thoại.

- Phải dành thời gian phù hợp đủ cho HS thảo luận xây dựng kịch bản và chuẩn bị đóng vai.
- Các vai diễn nên để HS xung phong hoặc tự phân công nhau đảm nhận.
- Nên khích lệ cả những HS nhút nhát cùng tham gia.
- Nên có hoá trang và đạo cụ đơn giản để tăng tính hấp dẫn của trò chơi đóng vai.

5. Phương pháp tổ chức trò chơi

a) Đặc điểm

Phương pháp tổ chức trò chơi là phương pháp dạy học mà trong đó, GV tổ chức cho HS tìm hiểu những vấn đề hay thể nghiệm những hành động, thái độ, việc làm thông qua một trò chơi nào đó.

Phương pháp tổ chức trò chơi rất có hiệu quả trong dạy học môn Giáo dục công dân, thông qua đó HS sẽ:

- Có cơ hội thể nghiệm những thái độ, hành vi tích cực của HS, qua đó hình thành được ở các em niềm tin vào những thái độ, hành vi tích cực, tạo ra động cơ bên trong cho những hành vi ứng xử trong cuộc sống.
- Được rèn luyện kỹ năng ra quyết định, lựa chọn cho mình cách ứng xử đúng đắn, phù hợp trong tình huống.
- Được hình thành năng lực quan sát, kỹ năng nhận xét, đánh giá hành vi.
- Được lĩnh hội các kiến thức, kỹ năng đạo đức và pháp luật một cách tự nhiên, nhẹ nhàng, sinh động; tạo hứng thú cho HS, giải trừ được những mệt mỏi, căng thẳng trong học tập.
- Được tăng cường tương tác với thầy cô giáo và HS với nhau trong quá trình học tập.

b) Cách thực hiện

- GV phổ biến để HS nắm được tên trò chơi, cách chơi, luật chơi, thời gian, địa điểm chơi và một số yêu cầu cụ thể khác, nếu có.
- Tổ chức cho HS chơi thử, nếu cần thiết.
- Tổ chức cho HS tiến hành chơi thật.
- Sau khi trò chơi kết thúc, GV cùng HS tổng kết, đánh giá kết quả, xác định thứ hạng các đội chơi.

- Thảo luận về ý nghĩa của trò chơi, liên hệ trò chơi với nội dung bài học và mục tiêu đặt ra ban đầu.

c) Ví dụ minh họa

- Khi dạy bài 5 “Tự lập”, GV có thể tổ chức trò chơi “Trả lời nhanh” cho cả lớp để kiểm tra mức độ hiểu biết của HS về quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân trước khi vào bài học mới.

d) Một số lưu ý

- Trò chơi phải dễ tổ chức và thực hiện, phải phù hợp với chủ đề bài học, với đặc điểm và trình độ HS lớp 6, với quỹ thời gian, hoàn cảnh, điều kiện thực tế của lớp học, đồng thời phải không gây nguy hiểm cho HS.
- Phải quy định rõ thời gian, địa điểm chơi và các yêu cầu cần thiết khác cho HS trước khi chơi.
- HS phải nắm được quy tắc chơi và phải tôn trọng luật chơi.
- Trong quá trình chơi, HS có thể ồn ào, làm ảnh hưởng đến các lớp khác. Do vậy, GV cần nêu rõ yêu cầu giữ trật tự với HS trước khi chơi hoặc tổ chức cho HS chơi ở ngoài sân trường, tránh xa khu vực các lớp khác đang học.
- Phải phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của HS, tạo điều kiện cho HS tham gia tổ chức, điều khiển tất cả các khâu: từ chuẩn bị, tiến hành trò chơi và đánh giá sau khi chơi.
- Trò chơi phải được luân phiên, thay đổi một cách hợp lý để không gây nhàm chán cho HS.
- Sau khi chơi, GV cần tổ chức cho HS thảo luận để nhận ra ý nghĩa giáo dục của trò chơi, liên hệ với nội dung bài học và mục tiêu đặt ra.

6. Phương pháp dự án

a) Đặc điểm

Phương pháp dự án là phương pháp trong đó HS tự thiết kế các kế hoạch rèn luyện, học tập từ đơn giản đến phức tạp để HS chủ động tự hoàn thiện bản thân và rèn luyện các kỹ năng ứng xử cùng các kỹ năng khác nhằm thực hiện mục tiêu giáo dục. Thông qua phương pháp dự án, HS được thực hành ngay những kiến thức, kỹ năng đã học; có cơ hội để rèn luyện các kỹ năng giao tiếp, quyết định, giải quyết vấn đề, nhận xét đánh giá.

b) Cách thực hiện

Chọn đề tài và xác định mục đích của dự án.

- Xây dựng đề cương, kế hoạch thực hiện dự án:
 - + Đối tượng của dự án;
 - + Những việc cần làm;
 - + Thời gian dự kiến;
 - + Người phụ trách mỗi công việc, người phối hợp;
 - + Các bước thực hiện dự án.
- Triển khai thực hiện dự án: Các thành viên thực hiện công việc theo kế hoạch đã đề ra cho cả nhóm và cho mỗi cá nhân.
- Đánh giá dự án:
 - + Đánh giá quá trình thực hiện;
 - + Kết quả đạt được;
 - + Rút kinh nghiệm.

c) Ví dụ minh họa

Khi dạy bài 8 “Ứng phó với các tình huống nguy hiểm từ thiên nhiên”, GV có thể giao HS lập dự án tuyên truyền về phòng ngừa tai nạn do các tình huống nguy hiểm từ thiên nhiên ở địa phương em đang sống.

d) Một số lưu ý

- Nội dung dự án phải phù hợp với tâm sinh lí lứa tuổi và điều kiện thực hiện của HS.
- Mục đích dự án phải rõ ràng và có tính thực tiễn, tính khả thi.
- Cần tạo cơ hội để thu hút sự tham gia của HS trong dự án.
- Vấn đề đặt ra để HS thiết kế dự án phải rõ ràng, tránh những vấn đề quá phức tạp.
- Phải quy định thời hạn hoàn thành dự án.
- Nên để HS tự thiết kế, sau đó trao đổi trong nhóm để rút kinh nghiệm, bổ sung cho nhau, tạo thành bản thiết kế tốt nhất.
- Các nhóm báo cáo việc thực hiện dự án trước lớp.

V – ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN LỚP 6

Đánh giá là một khâu quan trọng của quá trình dạy học môn GDCC cho HS. Việc đánh giá kết quả học tập môn GDCC theo tinh thần đổi mới hướng tới mục đích chủ yếu của kiểm tra, đánh giá là nhằm đánh giá khả năng tư duy, năng lực của HS theo các yêu cầu về năng lực chung và năng lực đặc thù của môn học, khả năng vận dụng kiến thức của HS vào đời sống thực tiễn; đánh giá thái độ của học sinh trước các hiện tượng, vấn đề đạo đức, pháp luật trong đời sống xã hội xung quanh.

Khi chuyển từ đánh giá theo chuẩn kiến thức, kỹ năng sang đánh giá theo năng lực, GV cần nhận ra được khả năng tiềm ẩn của HS, không chỉ đánh giá cái mà HS “biết” mà cần đánh giá những gì HS “làm”; quan tâm nhiều hơn đến sự tiến bộ và mức độ năng lực của mỗi cá nhân được bộc lộ trong quá trình học tập, qua đó có sự điều chỉnh nội dung và phương pháp dạy học phù hợp. Đánh giá theo định hướng phát triển năng lực lấy kết quả đầu ra và các phương diện biểu hiện làm mục tiêu.

Đánh giá kết quả giáo dục phải bảo đảm các yêu cầu sau:

1/ Kết hợp đánh giá thông qua các nhiệm vụ học tập (bài kiểm tra dưới dạng trắc nghiệm, vấn đáp hoặc tự luận, bài tập thực hành, bài tiểu luận, bài thuyết trình, bài tập xây dựng kế hoạch, dự án nghiên cứu,...) với đánh giá thông qua quan sát biểu hiện về thái độ, hành vi của học sinh trong quá trình tham gia các hoạt động học tập được tổ chức trên lớp học, hoạt động nhóm, tập thể hay cộng đồng và trong sinh hoạt, giao tiếp hằng ngày.

Chú trọng sử dụng các bài tập tình huống được xây dựng trên cơ sở gắn kiến thức của bài học với thực tiễn đời sống, đặc biệt là những tình huống, sự việc, vấn đề, hiện tượng của thực tế cuộc sống xung quanh, gần gũi với HS. Tăng cường các câu hỏi mở gắn với thực tiễn trong các bài tập kiểm tra, đánh giá để HS được thể hiện phẩm chất và năng lực.

Việc đánh giá thông qua quan sát biểu hiện về thái độ, hành vi ứng xử của HS trong quá trình tham gia vào các hoạt động học tập, sinh hoạt ở trường, ở nhà và ở cộng đồng cần dựa trên phiếu nhận xét của GV, HS, gia đình và các tổ chức xã hội.

2/ Kết hợp đánh giá của giáo viên với tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng của HS, đánh giá của phụ huynh HS và đánh giá của cộng đồng, trong đó đánh giá của GV là quan trọng nhất; coi trọng đánh giá sự tiến bộ của học sinh.

3/ Kết quả đánh giá sau mỗi học kỳ và cả năm học đối với mỗi học sinh là kết quả tổng hợp đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

PHẦN THỨ HAI

HƯỚNG DẪN DẠY HỌC CÁC BÀI CỤ THỂ

Bài 1

TỰ HÀO VỀ TRUYỀN THỐNG GIA ĐÌNH, DÒNG HỌ

I – MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS cần đạt được những yêu cầu sau:

1. Về kiến thức

- Nêu được một số truyền thống của gia đình, dòng họ.
- Giải thích được một cách đơn giản ý nghĩa của truyền thống gia đình, dòng họ.
- Biết giữ gìn, phát huy truyền thống gia đình, dòng họ bằng những việc làm cụ thể, phù hợp.

2. Về năng lực

HS được phát triển các năng lực:

- *Tự chủ và tự học*: Biết chủ động, tích cực thực hiện những nhiệm vụ của bản thân trong học tập.
- *Giải quyết vấn đề và sáng tạo*: Lập được kế hoạch về giữ gìn, phát huy truyền thống gia đình, dòng họ với mục tiêu, nội dung, hình thức hoạt động phù hợp.
- *Tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế – xã hội*: Lựa chọn, đề xuất được cách giữ gìn và phát huy truyền thống của gia đình, dòng họ trong học tập và lao động.

3. Về phẩm chất

- *Yêu nước*: Có ý thức tìm hiểu truyền thống của gia đình, dòng họ; tích cực học tập, rèn luyện để phát huy truyền thống gia đình, dòng họ.
- *Trách nhiệm*: Quan tâm đến các công việc của gia đình, dòng họ.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV, sách bài tập *Giáo dục công dân 6*;
- Các video clip liên quan đến bài học;
- Băng/đĩa/clip bài hát “Ba ngọn nến lung linh” của Ngọc Lễ;
- Tranh ảnh về truyền thống gia đình, dòng họ;
- Phiếu học tập;
- Phương tiện, thiết bị: máy chiếu, máy tính, bảng phụ,... (nếu có);
- Giấy khổ lớn các loại.

III – TIẾN TRÌNH DẠY HỌC



KHỞI ĐỘNG

1. Hoạt động 1: Khởi động

a) Mục tiêu

Tạo không khí thoải mái cho HS chuẩn bị vào bài học mới.

b) Tổ chức thực hiện

- GV giao nhiệm vụ cho HS: Nghe và ghi lại ca từ thể hiện nội dung bài hát “Ba ngọn nến lung linh”.
- HS thực hiện nhiệm vụ.

Gợi ý:

- + Nội dung bài hát: tình cảm, tình yêu thương của các thành viên trong gia đình.
- + Ca từ thể hiện tình yêu thương của các thành viên trong gia đình: ôm ấp những ngày thơ, ấm áp trái tim quay về, cùng buồn, cùng vui, cho ta bao nhiêu niềm thương mến, bên nhau đến suốt đời.
- GV giới thiệu bài học mới và những yêu cầu nhiệm vụ cụ thể cần giải quyết trong bài học.



KHÁM PHÁ

Hoạt động 2: Tìm hiểu thế nào là truyền thống của gia đình, dòng họ

a) Mục tiêu

- HS trình bày được thế nào là truyền thống của gia đình, dòng họ.
- HS được phát triển năng lực tự học, năng lực hợp tác.

b) Tổ chức thực hiện

- GV nêu yêu cầu nhiệm vụ cho HS:
 - + GV hướng dẫn HS đọc thông tin trong mục 1 bằng cách mời một HS đọc to trước lớp, cả lớp lắng nghe.
 - + HS thảo luận theo nhóm trả lời các câu hỏi:
- a) *Truyền thống của gia đình Giáo sư Tôn Thất Tùng được thể hiện như thế nào qua thông tin trên?*
- b) *Em còn biết những truyền thống nào khác của các gia đình, dòng họ?*
- c) *Em hiểu thế nào là truyền thống gia đình, dòng họ?*
- HS làm việc nhóm, thống nhất câu trả lời theo hai câu hỏi ở trên.
- HS lên trình bày, báo cáo kết quả thảo luận nhóm trước lớp (nên mời 2 – 4 nhóm có kết quả thảo luận không giống nhau) lên báo cáo, các nhóm còn lại phản biện và bổ sung ý kiến.
- Sản phẩm làm việc của HS:
 - + HS nêu được truyền thống của gia đình Giáo sư Tôn Thất Tùng thể hiện qua những thông tin: ba người con của Giáo sư đều tiếp nối truyền thống, sự nghiệp của cha trong ngành Y; là gia đình y đức, nổi tiếng trong lịch sử y học của Việt Nam và thế giới.
 - + HS nêu được những truyền thống khác của các gia đình, dòng họ như: hiếu học, tôn sư trọng đạo, cần cù lao động, đoàn kết, giữ gìn nghề truyền thống,...
 - + HS trình bày được suy nghĩ của mình về khái niệm truyền thống của gia đình, dòng họ.
- GV hướng dẫn HS kết luận:
 - + Truyền thống gia đình, dòng họ là những giá trị tốt đẹp mà gia đình, dòng họ đã tạo ra, được lưu truyền, phát huy từ thế hệ này sang thế hệ khác.
 - + Một số truyền thống điển hình của gia đình, dòng họ: hiếu học, cần cù lao động, giữ gìn nghề truyền thống,...

Hoạt động 3: Tìm hiểu ý nghĩa của truyền thống gia đình, dòng họ

a) Mục tiêu

- HS giải thích được một cách đơn giản ý nghĩa của truyền thống gia đình, dòng họ.

- HS được phát triển năng lực tự học và năng lực tìm hiểu các hiện tượng kinh tế – xã hội.

b) Tổ chức thực hiện

- GV nêu yêu cầu nhiệm vụ cho HS:
 - + GV hướng dẫn HS đọc thông tin trong mục 2.
 - + GV mời HS phát biểu lí do vì sao chị Nga đã thành công trong nghề làm cốm.
 - + GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm trả lời câu hỏi b. Đối với hoạt động này, GV có thể hướng dẫn các nhóm thảo luận và viết phương án trả lời bằng sơ đồ tư duy trên khổ giấy A3 về:
 - Ý nghĩa của truyền thống gia đình, dòng họ đối với bản thân.
 - Ý nghĩa của truyền thống gia đình, dòng họ đối với dân tộc.
 - + GV mời đại diện các nhóm lên chia sẻ kết quả làm việc của nhóm mình (các nhóm còn lại phản biện và bổ sung ý kiến).
- Sản phẩm làm việc của HS:
 - + HS giải thích được lí do chị Nga thành công trong nghề làm cốm: Vì đây là nghề truyền thống của gia đình, từ nhỏ chị đã học hỏi và tiếp thu được những kinh nghiệm gia truyền; không dừng ở đó, chị còn mở rộng quy mô sản xuất, đa dạng hoá sản phẩm, tích cực tìm kiếm thị trường tiêu thụ.
 - + HS giải thích được ý nghĩa của truyền thống gia đình, dòng họ:
 - Đối với bản thân: Giúp mỗi người có thêm kinh nghiệm, sức mạnh trong cuộc sống.
 - Đối với dân tộc: Làm phong phú truyền thống, bản sắc dân tộc Việt Nam.
- GV hướng dẫn HS kết luận: Truyền thống gia đình, dòng họ giúp chúng ta có thêm kinh nghiệm và sức mạnh trong cuộc sống; góp phần làm phong phú thêm truyền thống và bản sắc dân tộc, nhất là trong thời đại ngày nay.



LUYỆN TẬP

Hoạt động 4: Luyện tập

a) Mục tiêu

- HS củng cố kiến thức, giải thích và thực hành xử lí tình huống qua những câu hỏi gợi ý bằng kiến thức đã học.

- HS được phát triển năng lực tự chủ và tự học, tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế – xã hội, tư duy phê phán, năng lực điều chỉnh hành vi.

b) Tổ chức thực hiện

Bài tập 1:

- GV tổ chức trò chơi: Chia lớp thành 4 đội tương ứng với 4 quan điểm A, B, C, D. GV chia bảng thành 4 cột A, B, C, D, mỗi đội lần lượt cử thành viên của mình lên bảng ghi ý kiến của đội cùng những lí do để chứng minh cho ý kiến đó. Đội nào có ý kiến đúng và đưa ra nhiều lí do hợp lí thì đội đó sẽ giành chiến thắng.
- Kết thúc trò chơi, GV nhận xét, đánh giá các câu trả lời, tinh thần, thái độ tham gia của mỗi đội và bổ sung ý kiến nếu cần.
- Sản phẩm: HS giải thích được lí do mình đồng ý hay không đồng ý với các quan điểm A, B, C, D.

Bài tập 2:

- GV tổ chức cho HS đóng vai dựng lại tình huống. GV mời HS xung phong bày tỏ suy nghĩ của mình về từng nhân vật trong tình huống, từ đó rút ra những điều có thể học tập được cho bản thân.
- GV nhận xét, bổ sung ý kiến nếu cần.
- Sản phẩm: HS giải thích được quan điểm đúng – sai của từng nhân vật trong tình huống và rút ra được bài học cho mình.

Bài tập 3:

GV cho HS làm phiếu học tập theo mẫu, yêu cầu HS ghi lại những việc đã làm để giữ gìn và phát huy truyền thống của gia đình, dòng họ trong học tập và lao động:

PHIẾU HỌC TẬP	
<i>Việc em đã làm để giữ gìn và phát huy truyền thống của gia đình, dòng họ trong học tập</i>	<i>Việc em đã làm để giữ gìn và phát huy truyền thống của gia đình, dòng họ trong lao động</i>
1.	1.
2.	2.
3.	3.
...	...

- Sau khi HS hoàn thành phiếu học tập, GV tổng hợp ý kiến trên bảng, yêu cầu HS bổ sung thêm nếu cần.
- Sản phẩm: HS hoàn thành phiếu học tập.



VẬN DỤNG

Hoạt động 5: Vận dụng

a) Mục tiêu

HS vận dụng một cách sáng tạo kiến thức đã học để giữ gìn và phát huy truyền thống của gia đình, dòng họ.

b) Tổ chức thực hiện

Bài tập vận dụng 1:

- GV hướng dẫn HS thực hiện hoạt động này ở nhà (cá nhân hoặc theo nhóm), nếu thời gian trên lớp không đủ và viết báo cáo nộp lại cho GV ở buổi học sau.
- + GV gợi ý HS lập kế hoạch theo bảng mẫu sau:

KẾ HOẠCH GIỮ GÌN, PHÁT HUY TRUYỀN THỐNG GIA ĐÌNH, DÒNG HỌ					
Họ và tên:..... Lớp:.....					
Các lĩnh vực	Nội dung thực hiện	Biện pháp thực hiện	Thời gian thực hiện	Người hỗ trợ (nếu cần)	Kết quả thực hiện
Học tập					
Lao động					

Bài tập vận dụng 2:

- GV hướng dẫn HS thực hiện hoạt động này ở nhà (cá nhân hoặc theo nhóm) nếu thời gian trên lớp không đủ và viết báo cáo nộp lại cho GV ở buổi học sau.
- GV gợi ý HS viết bài báo (cá nhân hoặc theo nhóm) gồm: nội dung cụ thể, hình ảnh minh họa hoặc file ghi âm đoạn phỏng vấn.

Bài 2

YÊU THƯƠNG CON NGƯỜI

I – MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS cần đạt được những yêu cầu sau:

1. Về kiến thức

- Nêu được khái niệm và biểu hiện của tình yêu thương con người.
- Trình bày được giá trị của tình yêu thương con người.

2. Về năng lực

HS được phát triển các năng lực:

- *Điều chỉnh hành vi*: Điều chỉnh được cảm xúc, thái độ, hành vi thể hiện tình yêu thương con người.
- *Giải quyết vấn đề*: Thực hiện được những việc làm thể hiện tình yêu thương con người.
- *Tư duy phê phán*: Tự đánh giá bản thân, đồng thời đánh giá, phê phán được những thái độ, hành vi thể hiện tình yêu thương con người của người khác.

3. Về phẩm chất

Nhân ái: Quan tâm, cảm thông và sẵn sàng giúp đỡ người khác, nhất là những người gặp khó khăn, hoạn nạn; phê phán những hành vi, việc làm, biểu hiện trái với tình yêu thương con người.

II – THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV, sách bài tập *Giáo dục công dân 6*;
- Các video clip liên quan đến bài học;
- Băng/đĩa/clip bài hát “Thương người như thể thương thân” của Phạm Đăng Khương;
- Tranh ảnh về nội dung bài học;
- Phiếu học tập;
- Phương tiện thiết bị: máy chiếu, máy tính, bảng phụ,... (nếu có);
- Giấy khổ lớn các loại.

III – TIẾN TRÌNH DẠY HỌC



KHỞI ĐỘNG

1. Hoạt động 1: Khởi động

a) Mục tiêu

Tạo không khí vui vẻ để HS chuẩn bị vào bài học mới.

b) Tổ chức thực hiện

– Cả lớp nghe bài hát “Thương người như thể thương thân”.

– GV nêu câu hỏi:

Nội dung bài hát thể hiện điều gì?

Những ca từ nào trong bài hát thể hiện nội dung đó?

– HS làm việc cá nhân và trả lời câu hỏi.

– GV giới thiệu bài mới.



KHÁM PHÁ

Hoạt động 2: Tìm hiểu khái niệm yêu thương con người

a) Mục tiêu

– HS nêu được thế nào là yêu thương con người?

– HS được phát triển năng lực tự học, năng lực hợp tác.

b) Tổ chức thực hiện

– GV giao nhiệm vụ HS làm việc nhóm, đọc thông tin trang 9, 10 SGK và trả lời ba câu hỏi:

a) *Em có suy nghĩ gì sau khi đọc thông tin về Nguyễn Hải An?*

b) *Điều gì đã khiến Hải An muốn hiến tặng giác mạc cho người khác?*

c) *Từ thông tin trên, em hiểu thế nào là yêu thương con người?*

– HS làm việc nhóm, thống nhất câu trả lời theo ba câu hỏi ở trên.

– HS lên trình bày, báo cáo kết quả thảo luận nhóm trước lớp (nên mời 2 – 4 nhóm có kết quả thảo luận không giống nhau) lên báo cáo.

– Sản phẩm làm việc của HS:

- + HS có thể có các cách suy nghĩ khác nhau, nhưng tập trung theo hướng: Khi biết mình không còn sống được nữa, bé Hải An muốn được hiến tặng giác mạc cho người khác, chứng tỏ Hải An có tình yêu thương con người.
- + HS nêu được: Hải An muốn hiến tặng giác mạc cho người khác, vì khi em biết mình không còn được sống, không còn được hưởng hạnh phúc, em vẫn mong muốn người khác được sống hạnh phúc. Đó là tấm lòng của Hải An – luôn làm điều tốt đẹp cho người khác.
- + HS nêu được khái niệm yêu thương con người.
- GV hướng dẫn HS kết luận: Yêu thương con người là quan tâm, giúp đỡ, làm những điều tốt đẹp cho người khác, nhất là những người gặp khó khăn, hoạn nạn.

Hoạt động 3: Quan sát hình ảnh, tìm biểu hiện của yêu thương con người

a) Mục tiêu

- HS nêu được biểu hiện của tình yêu thương con người.
- HS được phát triển năng lực quan sát, nhận xét, năng lực hợp tác.

b) Tổ chức thực hiện

- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, quan sát 6 hình ảnh trong mục 2, trang 11 SGK và thực hiện các nhiệm vụ:

a) *Em hãy mô tả nội dung và đặt tên cho từng bức hình trên.*

b) *Hãy nêu các biểu hiện của yêu thương con người và biểu hiện chưa yêu thương con người.*

- HS thực hiện nhiệm vụ.
- HS trình bày kết quả thảo luận (GV mời 2 – 3 HS lên trình bày).
- Sản phẩm làm việc của HS:

1) Mô tả được nội dung và đặt tên cho từng hình ảnh:

- + Ảnh 1: Giúp người già qua đường. Bạn HS thương cụ già đi lại khó khăn nên đã dắt cụ qua đường. Bạn HS thể hiện tình yêu thương con người.
- + Ảnh 2: Vô cảm. Những người qua đường thấy người bị ngã trên đường nhưng vô cảm, không giúp đỡ.
- + Ảnh 3: Đẩy xe cho người tàn tật. Bạn HS đẩy xe cho người tàn tật, đó là biểu hiện của yêu thương con người, giúp đỡ người gặp khó khăn.
- + Ảnh 4: Hiến máu cứu người. Hình ảnh đẹp, nghĩa cử cao đẹp của người hiến máu tặng cho người khác. Đây là biểu hiện của tình yêu thương con người.

- + Ảnh 5: Giúp người nghèo. Thiếu niên tặng hiện vật giúp đỡ người nghèo khó, thể hiện tình thương người.
- + Ảnh 6: Quát mắng trẻ em. Người lớn quát mắng trẻ em, thể hiện không yêu thương trẻ em.

2) HS nêu được các biểu hiện yêu thương con người:

- + Sẵn sàng giúp đỡ, cảm thông và chia sẻ những khó khăn, đau thương với người khác. Ví dụ: giúp đỡ người già, người tàn tật, trẻ em lúc khó khăn; quyên góp tiền, hàng hoá ủng hộ nhân dân vùng bão, lũ lụt; dũng cảm cứu người khỏi đuối nước, hoả hoạn, tai nạn; thầy thuốc hết lòng cứu chữa bệnh nhân; hiến máu cứu người;...
- + Dịu dặt, giúp đỡ người mắc khuyết điểm, sai lầm để họ sửa chữa, đi theo con đường đúng đắn: thầy cô giáo tận tụy dạy dỗ học sinh mắc khuyết điểm; giáo dục, giúp đỡ trẻ em chưa ngoan trở thành người tốt;...
- GV hướng dẫn HS kết luận về biểu hiện của yêu thương con người: sẵn sàng giúp đỡ, cảm thông và chia sẻ với những khó khăn, đau thương của người khác; dịu dặt, giúp đỡ người mắc sai lầm để họ tìm ra con đường đúng đắn; biết hi sinh quyền lợi của bản thân cho người khác.

Hoạt động 4: Đọc thông tin, quan sát hình ảnh để tìm hiểu về giá trị của tình yêu thương con người

a) Mục tiêu

- HS trình bày được giá trị của tình yêu thương con người.
- HS được phát triển năng lực hợp tác và năng lực điều chỉnh hành vi.

b) Tổ chức thực hiện

- GV tổ chức cho HS đọc thông tin 1, trang 12 SGK theo cá nhân và làm việc nhóm theo các câu hỏi:

1) Theo em, tình yêu thương con người có ảnh hưởng như thế nào đến:

- + Người được nhận tình yêu thương.
- + Người đã thể hiện tình yêu thương với người khác.
- + Những người xung quanh.
- HS làm việc theo nhóm, GV mời đại diện các nhóm lên trình bày.
- Các nhóm trình bày theo kết quả thảo luận; các nhóm khác bổ sung.
- Sản phẩm làm việc của HS:

HS nêu được: tình yêu thương con người có ảnh hưởng đến:

- + Người được nhận tình yêu thương: được tiếp thêm sức mạnh để vượt qua khó khăn, hoạn nạn; được động viên, an ủi, chia sẻ về mặt tinh thần, thêm tin yêu vào những điều tốt đẹp.
- + Người đã thể hiện tình yêu thương với người khác: được mọi người đánh giá tốt, quý mến, kính trọng.
- + Những người xung quanh: tự nhìn nhận, đánh giá bản thân để điều chỉnh hành vi, thái độ, cách ứng xử của mình với người khác, nhất là những người gặp khó khăn.

2) Tình yêu thương con người có giá trị như thế nào trong đời sống?

- HS thảo luận và trả lời câu hỏi:

Câu 1: Theo nội dung trong thông tin.

Câu 2: Tình yêu thương con người giúp mỗi cá nhân biết sống đẹp hơn, sẵn sàng làm những điều tốt nhất vì người khác; làm cho xã hội lành mạnh, trong sáng và ngày càng tốt đẹp.

- GV hướng dẫn HS kết luận về giá trị của tình yêu thương con người:
 - + Yêu thương con người là tình cảm quý giá, một giá trị nhân văn và là truyền thống quý báu của dân tộc mà mỗi chúng ta cần phải giữ gìn, phát huy.
 - + Tình yêu thương con người giúp mỗi cá nhân biết sống đẹp hơn, sẵn sàng làm những điều tốt đẹp nhất vì người khác.
 - + Tình yêu thương con người làm cho xã hội lành mạnh, trong sáng và ngày càng tốt đẹp hơn.



LUYỆN TẬP

Hoạt động 5: Luyện tập, củng cố

a) Mục tiêu

- HS luyện tập, củng cố kiến thức, kỹ năng đã được hình thành trong phần Khám phá.
- HS được phát triển năng lực điều chỉnh hành vi, tư duy phê phán, giải quyết vấn đề và sáng tạo.

b) Tổ chức thực hiện

- GV yêu cầu HS làm các bài tập trong SGK trên lớp và ở nhà theo cá nhân và theo nhóm.

- HS thực hiện nhiệm vụ.
- GV mời một số HS đại diện các nhóm trả lời các câu hỏi, bài tập.
- GV kết luận, gợi ý các bài tập khó:

Bài tập 2:

- HS kể được những hành động của các bạn trong lớp, trong trường thể hiện tình yêu thương con người, như giúp đỡ, cứu giúp người gặp khó khăn,...
- HS nói được điều mình học tập được qua các hành động yêu thương con người đó.

Bài tập 3:

- HS phát biểu thể hiện sự đồng ý hoặc không đồng ý với việc làm của bạn Thân.
- Trong trường hợp này, Bình nên dừng lại chỉ đường giúp người phụ nữ, vì khi ấy người phụ nữ này rất cần biết đường để đi tiếp.



VẬN DỤNG

Hoạt động 6: Vận dụng

a) Mục tiêu

Hình thành và phát triển ở HS năng lực tự chủ và tự học, điều chỉnh hành vi và năng lực phát triển bản thân.

b) Tổ chức hoạt động

Bài tập vận dụng 1:

GV giao nhiệm vụ cho HS cả lớp về nhà sưu tầm những hình ảnh, câu thơ, ca dao, câu chuyện thể hiện tình yêu thương giữa con người với con người; sau tiết học dán vào tờ giấy lớn của lớp làm thành bộ sưu tập về chủ đề “Yêu thương con người”.

Bài tập vận dụng 2:

GV yêu cầu HS chuẩn bị ở nhà, mỗi HS làm một bông hoa bằng giấy, viết lời yêu thương vào các cánh hoa, trong đó thể hiện tình yêu thương với bạn bè trong nhóm, trong lớp hoặc với người thân trong gia đình.

Bài 3

SIÊNG NĂNG, KIÊN TRÌ

I – MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS cần đạt được những yêu cầu sau:

1. Về kiến thức

- Nêu được khái niệm siêng năng, kiên trì; biểu hiện của siêng năng, kiên trì.
- Nhận biết được ý nghĩa của siêng năng, kiên trì.

2. Về năng lực

HS được phát triển các năng lực:

- *Tự chủ và tự học*: Tự giác học tập, lao động; kiên trì thực hiện mục tiêu học tập.
- *Điều chỉnh hành vi*: Tự đánh giá mức độ siêng năng, kiên trì của bản thân, qua đó điều chỉnh tính siêng năng tham gia các hoạt động học tập ở lớp, ở nhà, trong lao động và trong cuộc sống hằng ngày.
- *Phát triển bản thân*: Kiên trì mục tiêu, thực hiện nhiệm vụ học tập và rèn luyện tính kiên trì trong cuộc sống.
- *Tư duy phê phán*: Đánh giá, phê phán được những hành vi lười biếng, ỷ lại trong học tập, trốn tránh công việc, hay nản lòng trong học tập, lao động và trong cuộc sống.
- *Hợp tác, giải quyết vấn đề*: Hợp tác với các bạn trong lớp trong các hoạt động học tập; cùng bạn bè tham gia giải quyết nhiệm vụ học tập, trả lời các câu hỏi trong bài học.

3. Về phẩm chất

- *Chăm chỉ*: Quý trọng, ủng hộ những người siêng năng, kiên trì trong học tập và lao động.
- *Trách nhiệm*: Tích cực hoàn thành nhiệm vụ học tập, lao động.

II – THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV, sách bài tập *Giáo dục công dân 6*;
- Các video clip liên quan đến bài học;

- Tranh ảnh về nội dung bài học;
- Phiếu học tập;
- Phương tiện thiết bị: máy chiếu, máy tính, bảng phụ,... (nếu có);
- Giấy khổ lớn các loại.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC



KHỞI ĐỘNG

Hoạt động 1: Khởi động

a) Mục tiêu

HS bước đầu nhận biết về tính cách làm việc siêng năng, kiên trì để chuẩn bị vào bài học mới.

b) Tổ chức thực hiện

- GV yêu cầu HS cả lớp quan sát hình ảnh và nêu biểu hiện của hai bạn trong hình ảnh.
- HS quan sát hình ảnh, trả lời câu hỏi.
- GV tóm tắt ý kiến của HS về hai hình ảnh:
 - + Hình 1: Bạn nam không chịu suy nghĩ, bỏ dở bài tập.
 - + Hình 2: Bạn nữ kiên trì suy nghĩ, quyết tâm làm bài tập.
- GV giới thiệu bài học mới “Siêng năng, kiên trì”.



KHÁM PHÁ

1. Hoạt động 2: Tìm hiểu khái niệm siêng năng, kiên trì

a) Mục tiêu

- HS nêu được thế nào là siêng năng, kiên trì.
- HS được phát triển năng lực phát triển bản thân và năng lực tư duy phê phán.

b) Tổ chức thực hiện

- GV tổ chức cho HS hoạt động “Đọc thông tin và trả lời câu hỏi”.
- GV giao nhiệm vụ từng HS làm việc cá nhân, đọc thông tin trang 15, 16 SGK và thảo luận nhóm lần lượt theo các câu hỏi:

a) Vì sao Rô-bi vẫn tiếp tục luyện tập, dù không được mẹ đưa đến lớp?

b) Điều gì giúp Rô-bi thành công trong buổi biểu diễn âm nhạc?

c) Em hiểu thế nào là siêng năng, kiên trì?

– HS:

+ Làm việc cá nhân: Đọc thông tin trang 15, 16 SGK *Giáo dục công dân 6*.

+ Thảo luận nhóm theo ba câu hỏi nêu trên.

– HS các nhóm trình bày câu trả lời.

– Sản phẩm làm việc của HS:

HS cần nêu được:

1) Dù không được mẹ đưa đến lớp học đàn dương cầm, nhưng Rô-bi vẫn tiếp tục luyện tập vì bạn quyết tâm phấn đấu để chơi được đàn dương cầm.

2) Rô-bi thành công trong buổi biểu diễn vì đã chịu khó, miệt mài luyện tập đánh đàn một cách liên tục, không bỏ dở giữa chừng.

3) Khái niệm siêng năng, kiên trì:

– Siêng năng là tính cách làm việc tự giác, cần cù, chịu khó, thường xuyên của con người.

– Kiên trì là tính cách làm việc miệt mài, quyết tâm giữ và thực hiện ý định đến cùng, dù gặp khó khăn, trở ngại cũng không nản chí.

– GV hướng dẫn HS kết luận về khái niệm siêng năng, kiên trì:

+ Siêng năng là tính cách làm việc tự giác, cần cù, chịu khó, thường xuyên của con người.

+ Kiên trì là tính cách làm việc miệt mài, quyết tâm giữ và thực hiện ý định đến cùng, dù gặp khó khăn, trở ngại cũng không nản chí.

Hoạt động 3: Tìm biểu hiện của siêng năng, kiên trì

a) Mục tiêu

– HS nêu được các biểu hiện của siêng năng, kiên trì.

– HS được phát triển năng lực phát triển bản thân.

b) Tổ chức thực hiện

– GV giao nhiệm vụ HS quan sát cá nhân các hình ảnh 1, 2, 3, 4 trong SGK; thảo luận nhóm theo các câu hỏi:

a) Các nhân vật trong mỗi hình ảnh trên đã làm việc như thế nào?

b) Tính siêng năng, kiên trì được biểu hiện như thế nào trong học tập, lao động và trong cuộc sống?

– HS làm việc theo nhóm.

- GV mời đại diện các nhóm phát biểu; các nhóm khác bổ sung.
- Sản phẩm làm việc của HS:

HS nêu được:

- 1) Các nhân vật trong mỗi hình ảnh trên đã làm việc chăm chỉ, miệt mài, thường xuyên, kiên trì, với quyết tâm cao:
 - + Hình 1: HS chăm chỉ lao động trồng rau ngoài giờ học.
 - + Hình 2: Bạn HS nữ kiên trì, quyết tâm làm bài tập.
 - + Hình 3: Những người nông dân miệt mài lao động trên cánh đồng.
 - + Hình 4: Bác nông dân chăm chỉ, thường xuyên chăm sóc vườn cây.

Như vậy, các nhân vật trong các hình ảnh trên đã làm việc một cách siêng năng, kiên trì.

- 2) Tính siêng năng, kiên trì được biểu hiện trong học tập, lao động và trong cuộc sống:
 - + Trong học tập: Đi học đều, làm bài tập đầy đủ, tích cực tham gia vào các hoạt động học tập ở lớp, gặp bài khó không nản lòng,...
 - + Trong lao động: Chăm chỉ làm các công việc trong gia đình phù hợp với lứa tuổi.
 - + Trong cuộc sống hằng ngày: Tích cực tham gia các hoạt động xã hội do nhà trường và địa phương tổ chức.
- GV hướng dẫn HS kết luận biểu hiện của siêng năng, kiên trì (trang 17 SGK).

Hoạt động 4: Tìm hiểu ý nghĩa của siêng năng, kiên trì

a) Mục tiêu

- HS nhận biết được ý nghĩa của siêng năng, kiên trì.
- HS phát triển được năng lực tư duy phê phán.

b) Tổ chức thực hiện

GV tổ chức hoạt động “Đọc thông tin và trả lời câu hỏi”.

- GV yêu cầu HS đọc thông tin theo cá nhân về Tho-mát Ê-đi-xon và thảo luận theo nhóm:

a) Qua thông tin trên, theo em siêng năng, kiên trì đã mang lại kết quả gì cho Ê-đi-xon?

b) Siêng năng, kiên trì có ý nghĩa như thế nào đối với mỗi cá nhân và xã hội?

- HS thực hiện nhiệm vụ.
- GV mời đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận theo hai câu hỏi trên.

– Các nhóm khác góp ý bổ sung, hoàn thiện.

– Sản phẩm làm việc của HS:

HS nêu được:

- 1) Nhờ tính cách siêng năng làm việc miệt mài, liên tục, dù phải qua nhiều lần thất bại, nhưng với sự quyết tâm, không nản chí, không lùi bước trước khó khăn mà Ê-đi-xon đã nghiên cứu thành công bóng đèn điện, mang lại ánh sáng đầu tiên cho toàn thể nhân loại.
- 2) Người siêng năng, kiên trì sẽ thành công trong mọi công việc, từ đó mà có được hạnh phúc trong cuộc sống.
 - GV hướng dẫn HS kết luận về ý nghĩa của siêng năng, kiên trì: Siêng năng, kiên trì giúp con người thành công, hạnh phúc trong cuộc sống.



LUYỆN TẬP

Hoạt động 5: Luyện tập, củng cố

a) Mục tiêu

- HS luyện tập, củng cố kiến thức, kỹ năng đã được hình thành trong phần Khám phá.
- HS phát triển được năng lực tự chủ và tự học, giải quyết vấn đề và sáng tạo.

b) Tổ chức thực hiện

- GV yêu cầu HS làm các bài tập trong SGK trên lớp và ở nhà theo cá nhân và theo nhóm.
- HS thực hiện nhiệm vụ.
- GV mời một số HS đại diện các nhóm trả lời các câu hỏi, bài tập.
- GV kết luận, gợi ý các bài tập khó:

Bài tập 1: Có người cho rằng, siêng năng, kiên trì là nguồn gốc và điều kiện để dẫn đến thành công. Em đồng ý hay không đồng ý với ý kiến trên? Vì sao?

HS cần nêu được: Làm việc gì cũng cần siêng năng, kiên trì. Người siêng năng, kiên trì không nản chí, không bỏ dở công việc giữa chừng, mà miệt mài, chăm chỉ, quyết tâm làm việc, kiên trì thực hiện mục tiêu đề ra, nhờ đó mà thành công trong học tập, lao động và trong cuộc sống.

Bài tập 5: Em hiểu thế nào về câu nói “Có công mài sắt có ngày nên kim”?

HS cần nêu được: Người siêng năng, chăm chỉ, kiên trì, quyết tâm phấn đấu sẽ hoàn thành được nhiệm vụ, đạt được nguyện vọng của mình.



VẬN DỤNG

Hoạt động 6: Vận dụng

a) Mục tiêu

Hình thành và phát triển ở HS năng lực điều chỉnh hành vi và năng lực phát triển bản thân.

b) Tổ chức hoạt động

Bài tập vận dụng 1: GV giao nhiệm vụ cho một HS lập bản cam kết, HS cả lớp đăng kí tham gia; đồng thời giao nhiệm vụ cho một số em theo dõi việc thực hiện cam kết của HS trong lớp; cuối mỗi tuần thống kê, tổng kết xem ai là người kiên trì thực hiện đúng cam kết.

Bài tập vận dụng 2: GV giao nhiệm vụ cho HS trong lớp lập kế hoạch cá nhân rèn luyện tính siêng năng, kiên trì và tự đánh giá việc rèn luyện của bản thân theo từng tuần, từng tháng.

Cánh Diều

Bài 4

TÔN TRỌNG SỰ THẬT

I. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS cần đạt được những yêu cầu sau:

1. Về kiến thức

- Nhận biết được một số biểu hiện của tôn trọng sự thật.
- Hiểu vì sao phải tôn trọng sự thật.

2. Về năng lực

HS được phát triển các năng lực:

- *Điều chỉnh hành vi*: Tự điều chỉnh hành vi của bản thân, nói và làm việc theo đúng sự thật.
- *Tư duy phê phán*: Đánh giá, phê phán được những hành vi không tôn trọng người khác của bạn bè ở trường, ở lớp, ở nơi sinh sống.

3. Về phẩm chất

- *Trung thực*: Luôn tôn trọng sự thật, nói và làm theo đúng sự thật, thống nhất giữa lời nói và việc làm.
- *Trách nhiệm*: Có trách nhiệm về lời nói và hành vi của mình trong học tập và trong cuộc sống.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV, sách bài tập *Giáo dục công dân 6*;
- Băng/đĩa/clip bài hát, tranh, hình ảnh về nội dung bài học;
- Phiếu học tập;
- Phương tiện thiết bị: máy chiếu, máy tính, bảng phụ,... (nếu có);
- Giấy khổ lớn các loại.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC



KHỞI ĐỘNG

Hoạt động 1: Khởi động

a) Mục tiêu

HS bước đầu nhận biết về tôn trọng sự thật để chuẩn bị vào bài học mới.

b) Tổ chức thực hiện

- HS cả lớp đọc cá nhân về tình huống của các bạn Bình, Hưng và Minh.
- GV nêu câu hỏi: *Nếu là Bình và Hưng, em sẽ lựa chọn cách ứng xử như thế nào?*
- Cả lớp trao đổi, thảo luận.
- GV tóm tắt ý kiến của HS và giới thiệu bài học mới.



KHÁM PHÁ

Hoạt động 2: Đọc câu chuyện, nhận biết biểu hiện của tôn trọng sự thật

a) Mục tiêu

- HS nhận biết được một số biểu hiện của tôn trọng sự thật.
- HS được phát triển năng lực tự học, năng lực điều chỉnh hành vi.

b) Tổ chức thực hiện

- HS làm việc cá nhân, đọc câu chuyện “Ga-li-lê và chân lí Dù sao Trái Đất vẫn quay”; trả lời theo ba câu hỏi:

a) *Em hãy tìm ra từ ngữ nói lên “Sự thật” trong câu chuyện trên.*

b) *Câu nói nổi tiếng của Ga-li-lê “Dù sao Trái Đất vẫn quay” chứng tỏ ông là người như thế nào?*

c) *Tôn trọng sự thật có biểu hiện như thế nào trong cuộc sống?*

- GV yêu cầu một số HS trả lời (các ý kiến khác nhau) theo ba câu hỏi trên.
- Sản phẩm làm việc của HS:

1) HS tìm ra được các từ ngữ nói lên sự thật trong SGK.

2) HS trình bày được: Câu nói nổi tiếng của Ga-li-lê “Dù sao Trái Đất vẫn quay” chứng tỏ ông là người tôn trọng sự thật, nói đúng sự thật đang diễn ra là Trái Đất quay xung quanh Mặt Trời.

- GV nhận xét, kết luận về ba câu hỏi trên.

Hoạt động 3: Thảo luận nhóm, tìm biểu hiện của tôn trọng sự thật

a) Mục tiêu:

- HS nêu được một số biểu hiện của tôn trọng sự thật.
- HS được phát triển năng lực hợp tác.

b) Tổ chức hoạt động

- HS làm việc nhóm theo các câu hỏi ở mục b, trang 20 SGK; thống nhất các câu trả lời:
- HS trình bày kết quả thảo luận (mỗi câu hỏi có 2 – 3 HS trả lời).
- Từ kết quả HS trao đổi, thảo luận, GV yêu cầu HS tiếp tục thảo luận nhóm theo câu hỏi cuối mục 2 (b): *Từ trao đổi trên, em hãy cho biết, tôn trọng sự thật có biểu hiện như thế nào trong cuộc sống?*
- Sản phẩm làm việc của HS:

HS trả lời được: Biểu hiện của tôn trọng sự thật là HS nói đúng sự thật với thầy cô, bạn bè và những người xung quanh; người dân nói thật, cung cấp đúng thông tin với những người có trách nhiệm; nhận xét, đánh giá đúng sự thật, dù có thể không có lợi cho mình. Ngoài ra, có thể nói thêm về các biểu hiện khác.

- GV hướng dẫn HS kết luận về biểu hiện của tôn trọng sự thật (trang 21 SGK).

Hoạt động 4: Thảo luận vì sao phải tôn trọng sự thật?

a) Mục tiêu

- HS hiểu vì sao phải tôn trọng sự thật.
- HS phát triển được năng lực nhận xét, năng lực tư duy phê phán, năng lực hợp tác.

b) Tổ chức thực hiện

- HS đọc tình huống ở mục 2, trang 21 SGK và thảo luận nhóm đôi theo hai câu hỏi:

a) *Em đồng ý hay không đồng ý với ý kiến nào trên đây? Vì sao?*

b) *Nếu em là Mai, em sẽ làm gì? Vì sao?*

- HS làm việc theo nhóm đôi.
- Sản phẩm làm việc của HS:
 - + HS trả lời được đồng ý hay không đồng ý; giải thích vì sao đồng ý hoặc không đồng ý với ý kiến của bạn Mai.
 - + HS nói về cách giải quyết của mình nếu ở trường hợp là bạn Mai.

- GV hướng dẫn HS kết luận:
 - + Tôn trọng sự thật giúp chúng ta hiểu rõ về thực chất của sự việc, hiện tượng, từ đó có cái nhìn đúng đắn để giải quyết tốt mọi công việc.
 - + Người tôn trọng sự thật là người thẳng thắn, trung thực, được mọi người tin tưởng, kính trọng.



LUYỆN TẬP

Hoạt động 5: Luyện tập, củng cố

a) Mục tiêu

- HS luyện tập, củng cố kiến thức, kỹ năng đã được hình thành trong phần Khám phá.
- HS được phát triển năng lực điều chỉnh hành vi, tư duy phê phán, giải quyết vấn đề và sáng tạo.

b) Tổ chức thực hiện

- GV yêu cầu HS làm các bài tập trong SGK trên lớp và ở nhà theo cá nhân và theo nhóm.
- HS thực hiện nhiệm vụ.
- GV mời một số HS đại diện các nhóm trả lời các câu hỏi, bài tập.
- GV kết luận, gợi ý các bài tập khó:

Bài tập 2: Không đồng ý, vì tôn trọng sự thật là yêu cầu đạo đức đối với mỗi người. Khi sự thật được phản ánh đúng, sẽ giúp cho chúng ta giải quyết công việc được đúng đắn, không bị sai lệch. Không tôn trọng sự thật là nói sai sự thật, làm cho câu chuyện, công việc bị phản ánh sai, gây khó khăn cho giải quyết trong lao động, học tập và trong cuộc sống.

Bài tập 4: Khuyến khích HS kể lại việc làm mà mình đã biết liên quan đến tôn trọng sự thật, qua đó giúp HS điều chỉnh hành vi, thái độ trong các mối quan hệ.



VẬN DỤNG

Hoạt động 6: Vận dụng

a) Mục tiêu

Hình thành và phát triển ở HS năng lực điều chỉnh hành vi và năng lực phát triển bản thân.

b) Tổ chức hoạt động

Bài tập vận dụng 1:

- Từng nhóm thảo luận, mỗi nhóm xây dựng một thông điệp về chủ đề “Tôn trọng sự thật”. Ghi cụ thể các nội dung về tôn trọng sự thật ra giấy A0.
- Mỗi nhóm cử đại diện trình bày sản phẩm của nhóm mình trước cả lớp.
- Cả lớp bình chọn một thông điệp hay nhất từ các nhóm.

Bài tập vận dụng 2:

- GV giao nhiệm vụ cho tất cả HS trong lớp theo yêu cầu của bài tập, cùng lập “Hòm thư nói thật”.
- Mỗi tuần đọc một số bức thư từ hòm thư này cho cả lớp cùng nghe.



Bài 5

TỰ LẬP

I. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS cần đạt được những yêu cầu sau:

1. Về kiến thức

- Tìm hiểu được khái niệm tự lập và biểu hiện của tính tự lập.
- Giải thích được vì sao phải tự lập.

2. Về năng lực

HS được phát triển các năng lực:

- *Nhận xét, đánh giá:* Tự nhận xét và nhận xét được khả năng tự lập của bản thân và người khác; đánh giá được tác dụng và tác hại của tự lập đối với bản thân trong học tập và sinh hoạt hằng ngày.
- *Phát triển bản thân:* Lập được kế hoạch rèn luyện tính tự lập của bản thân trong học tập, sinh hoạt hằng ngày và các hoạt động tập thể. Tự giác thực hiện theo kế hoạch đã lập.

3. Về phẩm chất

Chăm chỉ, trách nhiệm trong tự học, tự rèn luyện để luôn là người tự lập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV, sách bài tập *Giáo dục công dân 6*;
- Các video clip, bài hát, tranh/hình ảnh về chủ đề tự lập;
- Phiếu học tập về biểu hiện của tự lập và không tự lập;
- Phương tiện thiết bị: máy chiếu, máy tính, bảng phụ, thẻ từ,... (nếu có);
- Thẻ từ hoặc thẻ bìa, bảng phụ, bút dạ, nhạc nền (nếu có).

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC



KHỞI ĐỘNG

Hoạt động 1. Khởi động

a) Mục tiêu

- HS tích cực, hứng thú tham gia hoạt động.

- HS phát hiện được vấn đề cần khám phá: Tự lập là gì? Vì sao phải tự lập? Làm thế nào để trở thành người tự lập?

b) Tổ chức thực hiện

- GV hướng dẫn HS thực hiện trò chơi “Ai nhanh hơn”:
 - + Chia lớp thành các đội chơi (2 hoặc 4 đội).
 - + Nêu yêu cầu và phổ biến luật chơi: Trong thời gian 3 phút, viết lên các tấm thẻ “*Những việc tự làm ở nhà, ở trường thể hiện tính tự lập*” và gắn lên bảng phụ của đội mình. Đội nào có số thẻ viết đúng nhiều hơn sẽ về đích trước.
- HS thực hiện nhiệm vụ:
 - + Lập đội chơi, nhận bảng nhóm, bút viết và thẻ (7 đến 10 thẻ/1 đội).
 - + Thực hiện trò chơi theo luật.
- GV hướng dẫn HS chia sẻ theo các gợi ý sau:
 - + Cảm xúc, tâm trạng của em sau khi chơi trò chơi.
 - + Biểu hiện nào trong những việc tự làm mà em vừa kể cho thấy đó là tự lập? Nếu em không tự thực hiện những việc làm đó thì điều gì sẽ xảy ra? Vì sao?
- GV dựa vào câu trả lời của HS (không kết luận đúng/sai) để giới thiệu bài và dẫn dắt HS vào hoạt động Khám phá.

Lưu ý: Ngoài cách tổ chức hoạt động này, GV có thể căn cứ vào điều kiện lớp học, đối tượng HS để có thể triển khai Khởi động theo cách khác.

Ví dụ: Sử dụng phương pháp động não tích cực để trong thời gian ngắn nhất liệt kê được nhiều nhất những việc tự làm thể hiện tính tự lập.

Tự lập là tự làm lấy các công việc bằng khả năng và sức lực của mình.



KHÁM PHÁ

Hoạt động 2. Tìm hiểu khái niệm tự lập

a) Mục tiêu

- Giúp HS mô tả, nhận xét việc làm trong các bức tranh để từ đó khái quát được khái niệm tự lập.
- HS được phát triển năng lực điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân, giao tiếp và hợp tác.

b) Tổ chức thực hiện

- GV hướng dẫn HS mô tả 4 bức tranh và trả lời các câu hỏi trang 23 SGK theo các bước sau:
 - + HS làm việc cá nhân: Mô tả việc làm của các nhân vật trong từng tranh và trả lời câu hỏi trong SGK. Ghi những mô tả và câu trả lời ra giấy A4 hoặc vở nháp.
 - + HS trao đổi theo cặp về kết quả làm việc cá nhân, thống nhất câu trả lời theo câu hỏi trong SGK (GV quan sát HS trao đổi, xác định kết quả trao đổi của từng cặp).
 - + HS báo cáo kết quả trước lớp (gọi từ 4 đến 5 cặp có kết quả không giống nhau).
 - + Sản phẩm làm việc của HS:
 - Những việc làm trong 4 bức hình là thể hiện tính tự lập.
 - Nói về những việc bản thân HS đã tự làm được, thể hiện tính tự lập.
- GV hướng dẫn HS kết luận:
 - + Tự lập là tự làm lấy các công việc bằng khả năng và sức lực của mình.
 - + Tự lập không có nghĩa là biệt lập, không cần quan hệ với ai, không nhờ ai giúp đỡ việc gì.

Hoạt động 3. Tìm hiểu biểu hiện của tính tự lập

a) Mục tiêu

- HS phân tích tranh và hợp tác với bạn để xác định được biểu hiện của tự lập và biểu hiện trái với tự lập.
- HS phát triển được năng lực quan sát, nhận xét, đánh giá, hợp tác.

b) Tổ chức thực hiện

- GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân theo các bước:
 - + HS kẻ bảng mẫu trang 24 SGK vào vở.
 - + HS ghi các biểu hiện của tự lập và biểu hiện trái với tự lập vào bảng vừa kẻ theo cách hiểu của mình.
 - + HS dựa vào những biểu hiện vừa liệt kê để xác định bản thân thường có những biểu hiện nào của tính tự lập.
- GV hướng dẫn HS thảo luận theo nhóm (4 hoặc 6 HS) theo các bước sau:
 - + HS chia sẻ trong nhóm kết quả làm việc cá nhân.
 - + Các nhóm trao đổi, thống nhất các nội dung và hoàn thành Bảng biểu hiện

của tự lập và biểu hiện trái với tự lập trên giấy khổ to hoặc bảng nhóm.

- + HS báo cáo kết quả thảo luận (sử dụng kỹ thuật phòng tranh để báo cáo kết quả).
- HS nhận xét, đánh giá sản phẩm (sử dụng kỹ thuật 3-2-1).
- GV hướng dẫn HS kết luận:

Biểu hiện của tự lập	Biểu hiện trái với tự lập
– Tự tin, tự làm lấy việc của mình. – Bản lĩnh, tự mình tìm cách vượt qua khó khăn. – Có ý chí nỗ lực phấn đấu, kiên trì, bền bỉ thực hiện kế hoạch đã đề ra.	– Ỡ lại, dựa dẫm vào người khác. – Trông chờ vào may rủi. – Sống biệt lập, chỉ biết đến mình, không cần quan hệ, không cần nhờ ai giúp đỡ bất cứ việc gì.

Lưu ý: Ngoài cách tổ chức hoạt động này, GV có thể thiết kế bảng mẫu trang 24 SGK thành phiếu học tập và hướng dẫn HS hoàn thành phiếu cá nhân, sau đó tổ chức thảo luận để hoàn thành bảng nhóm.

Hoạt động 4. Tìm hiểu ý nghĩa của tính tự lập

a) Mục tiêu

- Giúp HS phân tích thông tin, hợp tác với bạn để giải thích được vì sao phải tự lập và đánh giá được tác dụng, tác hại của tự lập đối với bản thân trong học tập và sinh hoạt hằng ngày.
- HS được phát triển năng lực hợp tác, phát triển bản thân.

b) Tổ chức thực hiện

- GV tổ chức cho HS tranh biện về ý kiến “*Người tự lập là người không cần sự giúp đỡ từ người khác*” theo các bước sau:
 - + HS chia thành 2 đội (có thể mỗi dãy lớp là một đội) và bắt thăm để chọn đồng tình hoặc không đồng tình với ý kiến trên.
 - + HS các đội có 5 phút để đọc kỹ thông tin và câu hỏi trang 25 SGK, tìm thêm các dẫn chứng trong thực tế để đưa ra lập luận nhằm bảo vệ ý kiến của đội mình.
 - + GV điều hành (có thể cử HS) phân tranh biện của 2 đội trong thời gian 3 phút.
- GV hướng dẫn HS kết luận: Tự lập không có nghĩa là biệt lập, chỉ biết đến mình, không cần quan hệ với ai, không nhờ ai giúp đỡ việc gì.
- GV hướng dẫn HS thảo luận cặp đôi.
- HS thảo luận theo các câu hỏi sau:

- + Trong thông tin, bạn Long muốn nói điều gì khi đưa ra kết luận: “*tính thần tự lập trong mỗi người rất quan trọng, nó không chỉ giúp bạn trẻ tự chủ, bản lĩnh trong cuộc sống, mà còn là cách để giảm bớt gánh nặng cho ba mẹ?*”.
- + Nếu trong học tập và cuộc sống hằng ngày em luôn ỷ lại, dựa dẫm vào người khác thì điều gì sẽ xảy ra?
- + Em thấy tự lập có giá trị và tầm quan trọng như thế nào?
- HS trả lời kết quả trao đổi trước lớp (mời từ 3 đến 5 cặp đôi có ý kiến khác nhau).
- GV kết luận, chốt kiến thức về ý nghĩa của tính tự lập: Tự lập không chỉ giúp chúng ta làm chủ được suy nghĩ và tự chịu trách nhiệm trước những việc mình làm; giúp chúng ta tự tin, bản lĩnh, giải quyết các công việc hiệu quả và làm chủ được cuộc sống mà còn nhận được sự kính trọng của mọi người.



LUYỆN TẬP

Hoạt động 4. Luyện tập, củng cố

a) Mục tiêu

- HS nhận xét, đánh giá được khả năng tự lập của bản thân và người khác.
- HS phát triển được năng lực nhận xét, đánh giá, tư duy phê phán, điều chỉnh hành vi.

b) Tổ chức thực hiện

- GV yêu cầu thực hiện bài tập 1, 2 theo các bước:
 - + Phát phiếu học tập (GV chuẩn bị) và yêu cầu HS hoàn thành phiếu trong 5 phút.

PHIẾU HỌC TẬP				
Họ và tên: Lớp:				
1. Hãy thể hiện sự đồng tình, không đồng tình với các ý kiến dưới đây (đánh dấu X vào ô tương ứng) và giải thích vì sao.				
	Ý kiến	Đồng tình	Không đồng tình	Giải thích
A	Tính tự lập không tự nhiên mà có			
B	Chỉ có con nhà nghèo mới cần sống tự lập			

C	Học cách sống tự lập để trưởng thành			
D	Nên tự lập càng sớm càng tốt			
E	Tự lập sẽ dễ trở thành người ích kỉ, độc đoán			
2. Em hãy viết lại những việc làm của bản thân không thể hiện tính tự lập trong cuộc sống và cách khắc phục.				
TT	Việc làm không thể hiện tự lập	Cách khắc phục		
1				
2				
3				
...				

- + HS chuyển phiếu cho bạn ngồi cạnh và cùng chia sẻ.
- + Mời 3 – 5 HS trình bày kết quả trước lớp (có thể sử dụng máy chiếu hắt hoặc bảng thông minh nếu có).
- + HS trong lớp nhận xét, chia sẻ.
- + GV nhận xét và nhấn mạnh: Tính tự lập phải thường xuyên rèn luyện mới có. Con người chỉ trưởng thành khi biết sống tự lập, vì vậy HS rèn luyện và học cách sống tự lập càng sớm càng tốt.
- GV tổ chức cho HS đóng vai thực hiện bài tập 3 theo các bước:
 - + Hai HS tạo thành một cặp bạn diễn (có thể chia theo vị trí ngồi, theo giới tính, ngẫu nhiên hoặc chia bằng dấu hiệu như: đánh số, giấy màu, mẫu hình,...).
 - + HS đọc tình huống (bài tập 3 phần Luyện tập trang 26 SGK) và xây dựng kịch bản (lời thoại và hành động đi kèm).
 - + HS thực hiện đóng vai: một HS đóng vai Dũng, người còn lại vào vai Nam để xử lý tình huống theo lời thoại và hành động đã xây dựng (thời gian thực hiện 2 phút). Sau đó, hai bạn đổi vai cho nhau.
 - + HS chia sẻ cảm xúc, suy nghĩ sau khi đóng vai.
 - + Mời một cặp thể hiện cách xử lý tốt nhất thực hiện lại trước lớp để các

HS khác nhận xét (Cặp này do GV lựa chọn trong quá trình quan sát HS đóng vai).

- + GV nhận xét, đánh giá cách xử lý tình huống của HS thông qua vai diễn.
- GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân để thực hiện hoạt động Luyện tập 4:
 - + HS đọc bài tập 4 phần Luyện tập trang 26 SGK, suy nghĩ trong 2 phút.
 - + Mời HS xung phong phát biểu (từ 1 – 3 HS).
 - + GV nêu câu hỏi mở rộng: Điều em mong muốn nhất khi rèn luyện tính tự lập là gì? Nếu gặp khó khăn khi rèn luyện tính tự lập, em sẽ làm thế nào để khắc phục?
- GV kết luận: Tự lập là đức tính tốt, HS cần chăm chỉ rèn luyện tính tự lập trong học tập, trong sinh hoạt hằng ngày để hoàn thiện bản thân.



VẬN DỤNG

Hoạt động 5. Vận dụng

a) Mục tiêu

HS lập được kế hoạch rèn luyện tính tự lập của bản thân và tự giác thực hiện theo kế hoạch đã lập.

b) Tổ chức thực hiện

- GV hướng dẫn HS thực hiện *bài tập vận dụng 1*:
 - + HS dựa vào bảng hướng dẫn trang 26 SGK để lập kế hoạch rèn luyện tính tự lập cho bản thân trong cuộc sống hằng ngày theo mẫu sau:

STT	Môi trường	Những việc sẽ tự lập	Biện pháp thực hiện
1	Gia đình		
2	Trường, lớp học		
3	Cộng đồng		

- + HS thực hiện theo kế hoạch đã lập và ghi lại kết quả rèn luyện theo gợi ý sau:

TT	Môi trường	Những việc sẽ tự lập	Kết quả rèn luyện				
			Tuần 1	Tuần 2	Tuần 3	Tuần 4	Tuần n
1	Gia đình						
2	Trường, lớp học						
3	Cộng đồng						

- + HS chia sẻ kết quả với các bạn sau 4 tuần trong giờ sinh hoạt lớp.
- GV hướng dẫn HS thực hiện *bài tập vận dụng 2*:
 - + HS lựa chọn 1 trong số các hoạt động như: tham gia trại hè; về quê thăm ông bà; tham gia hoạt động tình nguyện; hoạt động trải nghiệm,... và xây dựng kế hoạch sống xa gia đình (dự kiến cả cách thuyết phục bố mẹ, người thân nếu họ không đồng ý).
 - + HS xin phép bố mẹ hoặc người thân trong gia đình về việc sống xa gia đình trong 4 ngày. Trình bày kế hoạch của mình (chuẩn bị tư trang, đồ dùng cá nhân, những công việc sẽ làm trong những ngày xa gia đình,...) và xin tư vấn từ bố mẹ/người thân để hoàn thiện kế hoạch.
 - + Thực hiện kế hoạch và ghi nhật kí toàn bộ quá trình thực hiện.
 - + Chia sẻ với các bạn trong lớp những trải nghiệm của bản thân (cảm xúc, thuận lợi, khó khăn và cách khắc phục, giá trị có được,...) khi tự lập sống xa nhà.

Bài 6

TỰ NHẬN THỨC BẢN THÂN

I. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS cần đạt được những yêu cầu sau:

1. Về kiến thức

- Tìm hiểu được thế nào là tự nhận thức bản thân.
- Nhận biết được ý nghĩa của tự nhận thức bản thân.

2. Về năng lực

HS được phát triển các năng lực:

- *Tự chủ và tự học*: Tự đọc thông tin, quan sát hình ảnh trong SGK để phát biểu được thế nào là tự nhận thức được bản thân.
- *Giao tiếp hợp tác*: Trao đổi, thảo luận theo nhóm/lớp về ý nghĩa của tự nhận thức bản thân.
- *Điều chỉnh hành vi*: Nhận thức được điểm mạnh, điểm yếu, giá trị, vị trí, tình cảm, các mối quan hệ của bản thân và xác định được cách tự nhận thức bản thân.
- *Phát triển bản thân*: Lập được kế hoạch phát huy điểm mạnh và hạn chế điểm yếu của bản thân và thực hiện theo kế hoạch đã lập.

3. Về phẩm chất

Trách nhiệm: Yêu quý bản thân, tôn trọng và có trách nhiệm với bản thân.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV, sách bài tập *Giáo dục công dân 6*;
- Các video clip liên quan đến chủ đề tự nhận thức bản thân;
- Tranh/hình ảnh về chủ đề tự nhận thức bản thân;
- Phương tiện thiết bị: máy chiếu, máy tính, bảng phụ, thẻ từ,... (nếu có).
- Băng/đĩa/clip bài hát, tranh, hình ảnh về nội dung bài học;
- Phiếu học tập về điểm mạnh, điểm hạn chế của bản thân.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC



KHỞI ĐỘNG

Hoạt động 1. Khởi động

a) Mục tiêu

- HS tích cực, hứng thú tham gia hoạt động.
- HS phát hiện được vấn đề cần tìm hiểu: Thế nào là tự nhận thức bản thân? Vì sao phải tự nhận thức bản thân? Làm thế nào để nhận thức được bản thân?

b) Tổ chức thực hiện

- GV hướng dẫn HS thực hiện trò chơi “Ai nhanh hơn” theo các bước sau:
 - + Phát cho mỗi HS một tờ giấy A4.
 - + Nêu yêu cầu và phổ biến luật chơi: Trong thời gian 3 phút, đặt bàn tay của mình lên giấy A4, dùng bút vẽ bàn tay của mình. Viết vào các ngón tay trong bản vẽ những nội dung sau:

Ngón cái: 3 điểm mạnh (ưu điểm) của em.

Ngón trỏ: 1 mục tiêu của em trong năm học này.

Ngón giữa: 1 điều em từng mơ ước đạt được.

Ngón áp út: 3 điều quan trọng nhất với em.

Ngón út: 3 điểm yếu (hạn chế) của em.

- HS hoàn thành sẽ gắn sản phẩm lên bảng. 5 HS nhanh nhất sẽ thắng cuộc.
- HS thực hiện nhiệm vụ: Nhận giấy A4, thực hiện trò chơi theo luật trên nền nhạc bài hát “Năm ngón tay ngoan”.
- GV hướng dẫn HS chia sẻ:
 - + Gọi những HS thắng cuộc chia sẻ với cả lớp về bàn tay vừa vẽ.
 - + Gọi HS dưới lớp chia sẻ thêm.
- GV dựa vào câu trả lời của HS (không kết luận đúng/sai) để giới thiệu bài và dẫn dắt HS vào hoạt động.

Lưu ý: Tùy thuộc vào đối tượng HS và điều kiện dạy học, GV có thể tổ chức hoạt động này theo hình thức nhóm 4 hoặc 6. Mỗi nhóm sẽ thiết kế bàn tay của nhóm mình trên bảng phụ hoặc giấy A3, sau đó thảo luận theo lớp để giới thiệu vào hoạt động 2.



Hoạt động 2. Tìm hiểu thế nào là tự nhận thức bản thân

a) Mục tiêu

- Giúp HS phân tích thông tin, hình ảnh để từ đó phát biểu được thế nào là tự nhận thức bản thân.
- HS được phát triển năng lực tự chủ và năng lực nhận thức bản thân.

b) Tổ chức thực hiện

- GV yêu cầu HS đọc thông tin và trả lời câu hỏi theo các bước sau:
 - + HS đọc thầm thông tin “Vượt qua môn Khoa học Tự nhiên” trong SGK, viết ra giấy A4/giấy nháp những chi tiết cho thấy điểm yếu của bạn Ngọc, thái độ, cảm xúc của Ngọc về điểm yếu của bản thân và cách bạn Ngọc khắc phục điểm yếu của mình.
 - + GV nêu câu hỏi: Ngọc có tự nhận thức được bản thân không? Chi tiết nào cho thấy điều đó?
 - + HS trả lời câu hỏi, GV dựa vào câu trả lời của HS để nhấn mạnh: Bạn Ngọc là người biết tự nhận thức bản thân, biểu hiện: Biết mình học yếu môn Khoa học Tự nhiên, biết tìm ra điểm mạnh, điểm yếu của bản thân, tìm được cách vượt qua điểm yếu để học tốt môn Khoa học Tự nhiên.
- GV hướng dẫn HS quan sát hình ảnh trang 28 SGK và cùng bạn ngồi cạnh thực hiện hành động sau:
 - + HS1 vào vai Minh để nói với HS2 về điểm mạnh/điểm yếu của Minh, sau đó hỏi HS2: Còn cậu thì sao?
 - + HS2 đáp lại câu hỏi của HS1, sau đó vào vai Hằng để nói với HS1 về điểm mạnh/yếu của Hằng và hỏi HS1: Còn cậu thì sao?
 - + Gọi một số cặp thực hiện trước lớp.
 - + GV nêu câu hỏi: Việc nhận thức được điểm mạnh, điểm yếu của chính mình có phải là tự nhận thức được bản thân không? Em hãy phát biểu và ghi lại khái niệm này.
- GV hướng dẫn HS kết luận và chốt kiến thức: Tự nhận thức bản thân là tự nhận ra những điểm mạnh, điểm yếu, đặc điểm riêng của mình để từ đó hoàn thiện bản thân.

Hoạt động 3. Tìm hiểu ý nghĩa của tự nhận thức bản thân

a) Mục tiêu

- Giúp HS trao đổi, thảo luận thông tin để nêu được ý nghĩa của tự nhận thức bản thân.
- HS phát triển được năng lực điều chỉnh hành vi.

b) Tổ chức thực hiện

- GV hướng dẫn HS xây dựng kịch bản từ thông tin “Tự tin vào chính mình” và đóng vai theo các gợi ý sau:
 - + Chia lớp thành các nhóm (4 – 6 HS/nhóm).
 - + HS phân tích thông tin “Tự tin vào chính mình” và dựa vào phần câu hỏi cuối thông tin để xây dựng kịch bản (có thể thêm các tuyến nhân vật, lời thoại và hành động đi kèm,...).
 - + Các nhóm phân công vai diễn, chuẩn bị lời thoại, đạo cụ (nếu có).
- GV gọi 1 – 2 nhóm thực hiện đóng vai theo kịch bản đã chuẩn bị.
- GV hướng dẫn HS thảo luận sau đóng vai:
 - + GV nêu yêu cầu thảo luận: Cảm xúc khi đóng vai (nhóm thực hiện); nhận xét về vai diễn (nhóm không đóng vai); Nhân vật Quân trong phần diễn đã thể hiện sự tự tin vào bản thân như thế nào? Điều gì khiến Quân tự tin như thế?
 - + HS thảo luận lớp theo gợi ý của GV.
- GV hướng dẫn HS kết luận và chốt kiến thức: Tự nhận thức đúng đắn về bản thân giúp chúng ta tin tưởng vào những giá trị của chính mình nhằm phát huy những ưu điểm, hạn chế nhược điểm và kiên định với những mục tiêu đã đặt ra.

Lưu ý: Ngoài cách tổ chức hoạt động này, GV có thể linh hoạt thực hiện theo cách khác phù hợp với đối tượng HS và điều kiện lớp học. Ví dụ: HS tự đọc thông tin và trả lời câu hỏi, sau đó thảo luận trong nhóm nhỏ để thống nhất câu trả lời và chia sẻ kết quả thảo luận trước lớp. GV cũng có thể thay thông tin trong SGK bằng các thông tin, câu chuyện hoặc xây dựng thành video gần gũi với HS của trường/lớp mình.

Hoạt động 4. Tìm hiểu các cách tự nhận thức bản thân

a) Mục tiêu

- Giúp HS nhận thức được điểm mạnh, điểm yếu, giá trị, vị trí, tình cảm, các mối quan hệ của bản thân và xác định được các cách tự nhận thức bản thân.
- HS phát triển được năng lực điều chỉnh hành vi và năng lực giải quyết vấn đề.

b) Tổ chức thực hiện

- GV hướng dẫn HS hoàn thành phiếu học tập:
- + HS quan sát các hình sau 1, 2, 3, 4 và dựa vào nội dung các hộp thoại kèm theo từng hình để hoàn thành phiếu học tập (GV phát phiếu học tập 1 cho HS).

PHIẾU HỌC TẬP 1	
Họ và tên: Lớp:	
1. Em hãy thể hiện mình biết cách tự nhận thức bản thân bằng việc viết tiếp về còn lại để hoàn thành các câu sau:	Em có ưu điểm là:
	Em có nhược điểm là:
	Ước mơ của em là:
	Môn học em yêu thích nhất là:.....
2. Bạn A học rất giỏi, luôn tự tin và được thầy cô, bạn bè yêu quý. Em hãy viết những điều bản thân em cần thay đổi để được như bạn A.	Em sẽ:
3. Em hãy viết một đoạn ngắn nói về cảm xúc của mình khi được thầy cô khen là người biết tự nhận thức bản thân, biết thay đổi chính mình để hoàn thiện hơn.	
4. Để tự tin nói trước đám đông, bạn Minh đã: học kĩ nội dung sẽ nói; tập luyện trước ở nhà; nhờ anh trai nhận xét,... Em hãy viết ra cách làm của mình.	

- + HS hoàn thành phiếu và chuyển phiếu cho bạn ngồi cạnh. Cùng nhau trao đổi để thống nhất các cách tự nhận thức bản thân và chia sẻ trước lớp.
- GV hướng dẫn HS kết luận và chốt kiến thức:
 - + Tự suy nghĩ, phân tích, đánh giá điểm mạnh, điểm yếu, sở thích, tính cách của bản thân.
 - + So sánh những nhận xét, đánh giá của người khác về mình với tự nhận xét, tự đánh giá của bản thân.

- + So sánh mình với những tấm gương người tốt, việc tốt để thấy mình cần phát huy và cần cố gắng điều gì.
- + Lập kế hoạch phát huy ưu điểm và sửa chữa nhược điểm của bản thân.



LUYỆN TẬP

Hoạt động 5. Luyện tập

a) Mục tiêu

- HS nhận xét, đánh giá được khả năng tự nhận thức bản thân của mình và người khác.
- HS phát triển được năng lực nhận xét, đánh giá và năng lực điều chỉnh hành vi.

b) Tổ chức thực hiện

- GV yêu cầu thực hiện *bài tập 1* trong SGK theo các bước:
- + Phát phiếu học tập và yêu cầu HS hoàn thành phiếu 2:

PHIẾU HỌC TẬP 2		
Họ và tên: Lớp:		
1. Hãy tích chữ X vào những việc nên làm và chữ K vào những việc không nên làm khi tự nhận thức bản thân và giải thích vì sao.		
Việc làm		Giải thích vì sao?
A. Tự suy nghĩ về những nhược điểm của mình để sửa chữa.	☐	—
B. Hỏi những người thân và bạn bè về ưu điểm, nhược điểm của mình.	☐	—
C. Xem bói để tìm hiểu các đặc điểm của bản thân.	☐	—
D. Thường xuyên đặt ra các mục tiêu và tự đánh giá việc thực hiện mục tiêu.	☐	—
E. Luôn tự trách bản thân, ngay cả khi không có khuyết điểm.	☐	—

- + HS chuyển phiếu cho bạn ngồi cạnh và cùng chia sẻ.
- + Mời 3 – 5 cặp trình bày kết quả trước lớp.
- + HS trong lớp nhận xét, chia sẻ.
- + GV nhận xét và kết luận.
- GV tổ chức cho HS tranh biện về *bài tập tình huống 2*: Hồng rất tự tin vào những ưu điểm của bản thân. Mặc dù hát không hay, nhưng Hồng luôn mơ ước trở thành một ca sĩ nổi tiếng. Hồng nghĩ rằng, muốn làm ca sĩ thì không cần phải hát hay, chỉ cần xinh đẹp, ăn mặc thời trang, biết nhảy múa là được.
- Yêu cầu HS đọc tình huống trang 31 SGK hoặc chiếu tình huống lên màn hình. Chia lớp thành 3 đội:
 - + Đội 1: Tán thành ý kiến của Hồng và đưa ra lập luận kiên quyết bảo vệ ý kiến.
 - + Đội 2: Không tán thành và tìm cách để thuyết phục Hồng thay đổi suy nghĩ.
 - + Đội 3: Trọng tài.
 - + Đội 1 và 2 thảo luận trong 2 phút để thống nhất kịch bản tranh biện. Đội 3 thống nhất tiêu chí chấm điểm và công khai tiêu chí cho 2 đội tranh biện.
 - + Hai đội thực hiện tranh biện trong 3 phút. Đội trọng tài công bố kết quả. GV dựa vào phần tranh biện và ý kiến đội trọng tài để nhận xét, đánh giá.
- GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân để thực hiện bài tập 3:
 - + HS đọc bài tập 3, phần luyện tập, trang 31 SGK, suy nghĩ trong 2 phút.
 - + Mời HS xung phong phát biểu (từ 1 – 3 HS).
 - + GV nêu câu hỏi mở rộng: Điều em mong muốn nhất khi tự nhận thức bản thân là gì? Nếu gặp khó khăn trong việc nhận thức bản thân, em sẽ làm thế nào để khắc phục?
- GV dựa vào câu trả lời của HS để kết luận.



VẬN DỤNG

Hoạt động 6. Vận dụng

a) Mục tiêu

HS lập được kế hoạch phát huy điểm mạnh và hạn chế điểm yếu của bản thân và thực hiện theo kế hoạch đã lập.

b) Tổ chức thực hiện

- GV hướng dẫn HS thực hiện *bài tập vận dụng 1*:
 - + HS trao đổi theo nhóm cách sưu tầm câu chuyện nói về những người biết phát huy ưu điểm, khắc phục nhược điểm của bản thân để hiện thực hoá ước mơ của mình.
 - + HS lập bảng sơ đồ hoá cách phát huy ưu điểm, khắc phục nhược điểm để thực hiện ước mơ và rút ra bài học cho bản thân:
 - + HS chia sẻ kết quả với các bạn khác trong buổi học tiếp theo hoặc giờ sinh hoạt lớp.
- GV hướng dẫn HS thực hiện *bài tập vận dụng 2*:
 - + Xác định những điều em hài lòng và chưa hài lòng về bản thân trong cuộc sống.
 - + Lập kế hoạch phát huy điều em hài lòng về bản thân, khắc phục những điều em chưa hài lòng và ghi lại kết quả ra giấy A4 theo gợi ý dưới đây:

Điều em hài lòng		Cách phát huy	Kết quả			
			Tuần 1	Tuần 2	Tuần 3	Tuần n
						
						
Điều em chưa hài lòng		Cách khắc phục				
						
						

- + Chia sẻ kết quả với các bạn trong lớp (có thể trong giờ GDCD hoặc tiết Hoạt động trải nghiệm theo hình thức sinh hoạt lớp).

Bài 7

ỨNG PHÓ VỚI CÁC TÌNH HUỐNG NGUY HIỂM TỪ CON NGƯỜI

I. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS cần đạt được những yêu cầu sau:

1. Về kiến thức

- Nhận biết được các tình huống nguy hiểm và hậu quả của những tình huống nguy hiểm từ con người.
- Nêu được cách ứng phó với một số tình huống nguy hiểm từ con người.

2. Về năng lực

HS phát triển được các năng lực:

- *Tư duy đánh giá*: Nhận biết hậu quả của các tình huống nguy hiểm từ con người.
- *Tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác*: Nhằm để hình thành kỹ năng ứng phó trước một số tình huống nguy hiểm từ con người để đảm bảo an toàn.
- *Tư duy phê phán*: Nhận xét, đánh giá được kỹ năng ứng phó với một số tình huống nguy hiểm của bản thân và những người xung quanh.

3. Về phẩm chất

Chăm chỉ, trách nhiệm trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ học tập và vận dụng cách ứng phó với các tình huống nguy hiểm từ con người để đảm bảo an toàn.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV, sách bài tập *Giáo dục công dân 6*;
- Các video clip liên quan đến chủ đề ứng phó với các tình huống nguy hiểm từ con người;
- Tranh/hình ảnh về ứng phó với tình huống nguy hiểm từ con người;
- Phương tiện thiết bị: máy chiếu, máy tính, bảng phụ, thẻ từ,... (nếu có);
- Băng/đĩa/clip bài hát, tranh, hình ảnh về nội dung bài học;
- Phiếu học tập về nội dung bài học.



KHỞI ĐỘNG

Hoạt động 1. Khởi động

a) Mục tiêu

- Tạo không khí vui tươi trong lớp học, gợi mở biểu tượng về bài học.
- Giúp HS bước đầu nhận biết, làm quen với nội dung bài học cần tìm hiểu: Tình huống nguy hiểm từ con người là gì? Hậu quả của các tình huống đó như thế nào? Ứng phó với các tình huống nguy hiểm từ con người ra sao?

b) Tổ chức thực hiện

- GV giao nhiệm vụ cho HS: đọc tình huống, thảo luận cặp đôi và đóng vai để thể hiện cách xử lý tình huống trong phần Khởi động.
- HS thực hiện nhiệm vụ: Các cặp HS trao đổi, thảo luận tình huống và chia sẻ với cả lớp cách giải quyết của mình.
- GV hướng dẫn HS chia sẻ theo các gợi ý sau:
 - + Cách xử lý nào thể hiện việc biết ứng phó trước tình huống nguy hiểm trên?
 - + Nếu em không biết cách ứng phó trước tình huống nguy hiểm đó thì điều gì có thể xảy ra?
- GV dựa vào câu trả lời của HS, dẫn vào bài học và giới thiệu những yêu cầu nhiệm vụ cụ thể cần giải quyết trong bài học.

Lưu ý: Ngoài cách tổ chức hoạt động này, GV có thể tổ chức các phương án khởi động khác phù hợp với thực tiễn dạy học ở địa phương như thảo luận nhóm và xử lý tình huống.



KHÁM PHÁ

Hoạt động 2. Đọc thông tin để nhận biết các tình huống nguy hiểm từ con người

a) Mục tiêu

- HS liệt kê được các tình huống nguy hiểm gây ra bởi hành vi của con người.
- HS phát triển được năng lực tự học và tự chủ, giao tiếp và hợp tác thông qua việc thực hiện nhiệm vụ cặp đôi.

b) Tổ chức thực hiện

- GV mời một HS đọc thông tin.

- GV yêu cầu học sinh làm việc cá nhân để trả lời câu hỏi.
- Từ kết quả của nhiệm vụ cá nhân, GV hướng dẫn HS chia sẻ theo các gợi ý sau:
 - + Những chi tiết nào trong thông tin trên cho thấy H là nạn nhân của những kẻ bắt nạt?
 - + Ngoài tình huống bị bắt nạt như bạn H, em hãy liệt kê các tình huống nguy hiểm khác gây ra bởi hành vi của con người mà em đã trải qua/ chứng kiến hoặc được biết qua các phương tiện thông tin đại chúng?
- GV nhận xét, hướng dẫn HS kết luận về tình huống nguy hiểm từ con người: Tình huống nguy hiểm từ con người là những tình huống gây ra bởi những hành vi của con người như trộm cắp, cướp giật, bắt nạt, xâm hại người khác,... làm tổn hại đến tính mạng, của cải vật chất, tinh thần của cá nhân và xã hội.

Hoạt động 3. Quan sát hình ảnh, trả lời câu hỏi về hậu quả của tình huống nguy hiểm từ con người

a) Mục tiêu

- Giúp HS mô tả, nhận xét các hình ảnh để từ đó khái quát được hậu quả của các tình huống nguy hiểm từ con người.
- HS được phát triển năng lực quan sát, nhận xét, đánh giá.

b) Tổ chức thực hiện

- GV giao nhiệm vụ cặp đôi: Quan sát 2 hình ảnh và thảo luận về các tình huống nguy hiểm từ con người. GV hướng dẫn HS cách quan sát và nêu nội dung các hình ảnh. Cụ thể:
 - + Ở hình ảnh 1: Hai HS đang chạy ở đâu? Hành vi của HS trong hình ảnh có thể dẫn đến hậu quả gì?
 - + Ở hình ảnh 2: Hai bạn HS đang làm gì bạn còn lại? Theo các em, hành vi đó có thể dẫn đến hậu quả gì?
- Từ kết quả của nhiệm vụ các cặp đôi, GV mời một số HS trả lời các câu hỏi.
- GV nhận xét, hướng dẫn HS kết luận về hậu quả của các tình huống nguy hiểm từ con người: Tình huống nguy hiểm từ con người gây ra những hậu quả nghiêm trọng, làm tổn hại đến tính mạng, tinh thần của các cá nhân; huỷ hoại tài sản của con người và xã hội.

Hoạt động 4. Thảo luận cách ứng phó với tình huống nguy hiểm từ con người

a) Mục tiêu

- HS thực hành cách ứng phó với tình huống nguy hiểm từ con người để đảm bảo an toàn.
- HS phát triển được năng lực tự học và tự chủ, năng lực điều chỉnh hành vi, năng lực phát triển bản thân thông qua việc thảo luận nhóm để giải quyết tình huống.

b) Tổ chức thực hiện

- GV giao nhiệm vụ cho nhóm: Đọc tình huống, thảo luận tình huống và bày tỏ ý kiến của mình về cách giải quyết của hai bạn trong tình huống đó. Hướng dẫn các nhóm thảo luận.
 - + An và Ninh đã gặp phải tình huống nguy hiểm gì? Nguy cơ có thể gặp phải trong tình huống nguy hiểm này là gì?
 - + Đứng trước tình huống nguy hiểm trên, An và Ninh đã giải quyết như thế nào? Nhóm đồng ý với cách giải quyết của ai?
 - + Hãy liệt kê các bước ứng phó với tình huống nguy hiểm để đảm bảo an toàn.
- Từ kết quả thảo luận nhóm, GV hướng dẫn HS kết luận.
Các bước để ứng phó với tình huống nguy hiểm từ con người:
 - + *Nhận diện, đánh giá tình huống nguy hiểm:*
 - Nguy hiểm đến từ đối tượng nào?
 - Nguy cơ có thể gặp phải trong tình huống nguy hiểm là gì?
 - Điều gì sẽ xảy ra nếu không thoát khỏi tình huống nguy hiểm?
 - + *Tìm kiếm phương án thoát khỏi tình huống nguy hiểm:*
 - Hét to, kêu cứu, tìm sự hỗ trợ của người lớn.
 - Đánh lạc hướng đối phương.
 - Gọi điện thoại cho người thân và các cơ quan hỗ trợ khẩn cấp (111, 112, 113, 114, 115,...).
 - Chạy đến chỗ đông người để thoát khỏi đối tượng gây nguy hiểm.
 - + *Lựa chọn và thực hiện phương án thoát khỏi tình huống nguy hiểm:*
 - Bình tĩnh để có cách xử lý phù hợp trong từng tình huống nguy hiểm.



LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu

- Giúp HS thực hành, củng cố những kiến thức về ứng phó với tình huống nguy hiểm từ con người đã thực hiện trong phần Khám phá.
- HS phát triển được năng lực tự học, giải quyết vấn đề.

b) Tổ chức thực hiện

- GV yêu cầu HS hoàn thành phiếu học tập theo các bước:
 - + Phát phiếu học tập và yêu cầu HS hoàn thành phiếu trong thời gian 10 phút.

PHIẾU HỌC TẬP			
Họ và tên:..... Lớp:.....			
1. Nêu các tình huống nguy hiểm từ con người và hậu quả có thể xảy ra theo bảng dưới đây:			
Không gian	Ở nhà	Ở trường	Ở những nơi khác
Những nguy hiểm có thể xảy ra	– – –	– – –	– – –
Hậu quả của tình huống nguy hiểm	– – –	– – –	– – –
2. Trong các tình huống sau ở bài 2 (mục 2 phần luyện tập), tình huống nào gây nguy hiểm? Hậu quả của chúng là gì?			
Tình huống	Hậu quả		
A			
B			
C			
D			

- + HS chuyển phiếu cho bạn ngồi cạnh và cùng chia sẻ.
- + Mời 3 – 5 HS trình bày kết quả trước lớp.
- + HS trong lớp nhận xét, chia sẻ.

Bài tập 3:

- GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân:
 - + HS đọc tình huống, suy nghĩ câu trả lời.
 - + Mời HS xung phong trả lời 2 câu hỏi ở bài tập 3.

Bài tập 4:

- GV tổ chức cho HS đóng vai để thực hiện bài tập 4 phần Luyện tập, trang 36 SGK theo các bước sau:
 - + Hai HS tạo thành một cặp diễn (có thể chia theo vị trí ngồi, theo giới tính, ngẫu nhiên hoặc chia bằng dấu hiệu như: đánh số, giấy màu, mẫu hình,...).
 - + HS đọc tình huống và xây dựng kịch bản (lời thoại và hành động đi kèm).
 - + HS thực hiện đóng vai: Một HS đóng vai Chiến, một HS đóng vai Dương. Nhóm HS xây dựng kịch bản xử lý tình huống trong 2 phút và đổi vai cho nhau.
 - + HS chia sẻ cảm xúc, suy nghĩ sau khi đóng vai.
 - + Mời 1 nhóm thể hiện cách xử lý tốt nhất thực hiện lại trước lớp để các HS khác nhận xét (Nhóm này do GV lựa chọn trong quá trình quan sát HS đóng vai).
 - + GV nhận xét, đánh giá cách xử lý tình huống của HS thông qua vai diễn.
- GV kết luận: Tình huống nguy hiểm từ con người có thể xảy ra ở mọi nơi, mọi lúc nên việc rèn luyện cách ứng phó rất quan trọng, giúp em bình tĩnh lựa chọn được cách ứng phó tốt nhất để đảm bảo an toàn.



VẬN DỤNG

Hoạt động 5. Vận dụng

a) Mục tiêu

Giúp HS sưu tầm các biện pháp ứng phó với tình huống nguy hiểm từ con người, vẽ được bản đồ để cảnh báo các tình huống nguy hiểm từ nhà em đến trường.

b) Tổ chức thực hiện

Bài tập vận dụng 1:

- GV yêu cầu HS lập cuốn sổ tay cá nhân để sưu tầm các biện pháp ứng phó khi xảy ra các tình huống nguy hiểm từ con người.

- + Sổ tay chỉ rõ các biện pháp ứng phó trong những không gian cụ thể như ở nhà, ở trường, trên đường đến trường,...
- + Sưu tầm các biện pháp ứng phó từ người thân, qua sách báo, mạng Internet.
- + Nộp sổ tay để trao đổi, chia sẻ và đánh giá vào các thời điểm phù hợp trong kế hoạch giáo dục môn học của GV.

Bài tập vận dụng 2:

- GV dựa vào hướng dẫn ở bài tập vận dụng 2 để hướng dẫn HS vẽ bản đồ cảnh báo nguy hiểm trên đường từ nhà đến trường bằng cách:
 - + Đánh dấu vào những địa điểm không an toàn và ghi chú (bắt nạt, trêu chọc, chặn đánh,...).
 - + Lưu ý những thời điểm không an toàn khi đi một mình.
 - + Chú ý việc cần làm để đảm bảo an toàn.
 - + HS chia sẻ bản đồ với những cảnh báo chi tiết và những việc cần làm để đảm bảo an toàn với gia đình, thầy cô và bạn bè.

Bài tập vận dụng 3:

- GV tổ chức cuộc thi vẽ tranh thể hiện thông điệp “Vì một trường học an toàn”, hướng dẫn các nhóm HS thực hiện theo các bước:
 - + Xác định nội dung thông điệp được thể hiện qua tranh vẽ.
 - + Vẽ tranh với nội dung thông điệp đã chọn.
 - + Trình bày, giới thiệu tranh với cả lớp.
- GV tổ chức đánh giá sản phẩm và trưng bày ở trường để chia sẻ thông điệp đến HS toàn trường.

Bài 8

ỨNG PHÓ VỚI CÁC TÌNH HUỐNG NGUY HIỂM TỪ THIÊN NHIÊN

I. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS cần đạt được những yêu cầu sau:

1. Về kiến thức

- Nhận biết được các tình huống nguy hiểm và hậu quả của các tình huống nguy hiểm từ thiên nhiên.
- Nêu được cách ứng phó với một số tình huống nguy hiểm từ thiên nhiên.
- Thực hành được cách ứng phó trước một số tình huống nguy hiểm từ thiên nhiên để đảm bảo an toàn.

2. Về năng lực

HS phát triển được các năng lực:

- *Tư duy đánh giá*: Xác định được hậu quả của các tình huống nguy hiểm từ thiên nhiên.
- *Tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác*: Thông qua các hoạt động học tập.
- *Tư duy phê phán*: Nhận xét, đánh giá được kỹ năng ứng phó với một số tình huống nguy hiểm từ thiên nhiên của bản thân và những người xung quanh.

3. Về phẩm chất

Chăm chỉ, trách nhiệm trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ học tập và vận dụng cách ứng phó với các tình huống nguy hiểm từ thiên nhiên để đảm bảo an toàn.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV, sách bài tập *Giáo dục công dân 6*;
- Các video clip liên quan đến chủ đề ứng phó với các tình huống nguy hiểm từ thiên nhiên;
- Tranh/hình ảnh về chủ đề ứng phó với các tình huống nguy hiểm từ thiên nhiên;
- Phương tiện thiết bị: máy chiếu, máy tính, bảng phụ, thẻ từ,... (nếu có);
- Băng/đĩa/clip bài hát, tranh, hình ảnh về nội dung bài học;
- Phiếu học tập về nội dung bài học.



KHỞI ĐỘNG

Hoạt động 1. Khởi động

a) Mục tiêu

- Tạo không khí vui tươi trong lớp học, gợi mở biểu tượng về bài học.
- Giúp HS bước đầu nhận biết, làm quen với nội dung bài học cần tìm hiểu: Tình huống nguy hiểm từ thiên nhiên là gì? Hậu quả của các tình huống đó như thế nào? Ứng phó với các tình huống nguy hiểm từ thiên nhiên ra sao?

b) Tổ chức thực hiện

- GV giao nhiệm vụ cho HS: Đọc tình huống, lựa chọn phương án ứng phó phù hợp.
- HS thực hiện nhiệm vụ: Đọc tình huống, suy nghĩ và lựa chọn phương án.
- GV hướng dẫn HS chia sẻ theo các gợi ý sau:
 - + Cách xử lý nào thể hiện việc biết ứng phó trước tình huống nguy hiểm trên?
 - + Nếu không biết cách ứng phó trước tình huống nguy hiểm đó thì điều gì có thể xảy ra?
- GV dựa vào câu trả lời của HS, dẫn vào bài học và giới thiệu những yêu cầu nhiệm vụ cụ thể cần giải quyết trong bài học.

Lưu ý: Ngoài cách tổ chức hoạt động này, GV có thể tổ chức các phương án khởi động khác phù hợp với thực tiễn dạy học ở địa phương như thảo luận cặp đôi.



KHÁM PHÁ

Hoạt động 2. Quan sát hình ảnh để nhận biết các tình huống nguy hiểm từ thiên nhiên

a) Mục tiêu

- HS nhận biết được thế nào là tình huống nguy hiểm từ thiên nhiên và liệt kê được các tình huống nguy hiểm từ thiên nhiên.
- HS được phát triển năng lực quan sát, đánh giá.

b) Tổ chức thực hiện

- GV hướng dẫn HS làm việc theo cặp: Quan sát hình ảnh và trả lời các câu hỏi:
 - Em quan sát được những hiện tượng nguy hiểm nào từ các hình ảnh trên?*
 - Những hiện tượng nguy hiểm đó gây ảnh hưởng đến con người như thế nào?*
 - Theo em, thế nào là tình huống nguy hiểm từ thiên nhiên?*

- Từ kết quả của nhiệm vụ cặp đôi, GV nhận xét và hướng dẫn HS kết luận về tình huống nguy hiểm từ thiên nhiên: Tình huống nguy hiểm từ thiên nhiên là những tình huống nguy hiểm xuất hiện bất ngờ do các hiện tượng tự nhiên gây nên, làm tổn hại đến tính mạng, tài sản của con người và xã hội.

Hoạt động 3. Đọc thông tin, quan sát ảnh và trả lời câu hỏi về hậu quả của tình huống nguy hiểm từ thiên nhiên

a) Mục tiêu

- Giúp HS nhận biết được hậu quả của các tình huống nguy hiểm từ thiên nhiên.
- HS được phát triển năng lực hợp tác, nhận xét, đánh giá, tìm hiểu các hiện tượng kinh tế – xã hội.

b) Tổ chức thực hiện

- GV mời một HS đọc thông tin và giao nhiệm vụ cặp đôi: Quan sát 2 hình ảnh và thảo luận 2 câu hỏi:
 - Thông tin và các bức ảnh trên cho thấy cơn bão số 5 (năm 2020) gây ra những thiệt hại gì đối với các địa phương chịu ảnh hưởng trực tiếp?*
 - Theo em, nguy hiểm từ thiên nhiên có thể gây nên những hậu quả như thế nào đối với con người và xã hội?*
- Từ kết quả của nhiệm vụ, GV mời một số HS trả lời các câu hỏi và nhận xét, rút ra kết luận về hậu quả của các tình huống nguy hiểm từ thiên nhiên:
 - + Tình huống nguy hiểm từ thiên nhiên có thể dẫn tới những hậu quả đáng tiếc đối với con người như: tổn hại về sức khỏe và tinh thần, làm bị thương hoặc thậm chí nguy hiểm đến tính mạng, gây chết người.
 - + Tình huống nguy hiểm từ thiên nhiên còn có thể gây ra những thiệt hại về vật chất của cá nhân và cộng đồng, gây thiệt hại và ảnh hưởng tiêu cực đối với nền kinh tế của các quốc gia.

Hoạt động 4. Ứng phó với tình huống nguy hiểm từ thiên nhiên

a) Mục tiêu

- HS thực hành cách ứng phó với tình huống nguy hiểm từ thiên nhiên để đảm bảo an toàn.
- HS phát triển được năng lực tự học và tự chủ, năng lực điều chỉnh hành vi, năng lực phát triển bản thân thông qua việc thảo luận nhóm để giải quyết tình huống.

b) Tổ chức thực hiện

- GV giao nhiệm vụ cho nhóm: Đọc tình huống, thảo luận tình huống và bày tỏ ý kiến của mình về cách ứng phó với 3 tình huống:
- + Tình huống 1: Hạnh đang xem chương trình ti vi yêu thích thì trời bỗng nổi cơn dông, mây đen ùn ùn kéo đến, sấm chớp đùng đùng, trời mưa tầm tã.
- + Tình huống 2: Tà Nua là con suối duy nhất chảy qua khe núi dẫn đến Trường THCS X. Trên đường Phương đi học thì thấy nước suối dâng cao sau trận lũ đêm qua.
- + Tình huống 3: Tâm đi kiếm củi qua sườn dốc đang bị sạt lở sau trận mưa bão lớn, kéo dài.

- GV hướng dẫn các nhóm thảo luận, thực hành cách ứng phó theo các bước:

Bước 1: Đọc, suy nghĩ và nhận biết những yếu tố có thể gây nguy hiểm?

Bước 2: Phán đoán nguy cơ có thể gặp phải trong tình huống nguy hiểm này là gì.

Bước 3: Đứng trước tình huống nguy hiểm trên, em sẽ ứng phó như thế nào? Nhóm đồng ý với cách ứng phó của ai?

Bước 4: Thực hành cách ứng phó với tình huống nguy hiểm đó.

- Từ kết quả thảo luận nhóm, GV mời một số nhóm thực hành cách ứng phó với 3 tình huống trên, các nhóm khác lắng nghe và chia sẻ.
- GV nhận xét và hướng dẫn HS kết luận:

Trong cuộc sống, đôi khi có những tình huống nguy hiểm từ thiên nhiên có thể bất ngờ xảy ra. Chúng ta có thể giảm thiểu những hậu quả do các tình huống đó gây ra bằng cách:

- + Trang bị kiến thức và kỹ năng phòng tránh, ứng phó với các tình huống nguy hiểm từ thiên nhiên.
- + Tập quan sát, nhận biết những yếu tố có thể gây nguy hiểm (thời điểm, không gian, địa hình, thời tiết thay đổi,...).
- + Chọn một nơi an toàn để trú ẩn khi nguy hiểm xảy ra.
- + Bình tĩnh xử trí, đặt mục tiêu an toàn tính mạng lên trên hết.
- + Tìm kiếm sự trợ giúp.

**Hoạt động 5. Luyện tập****a) Mục tiêu**

- Giúp HS thực hành, củng cố những kiến thức về ứng phó với tình huống nguy hiểm từ thiên nhiên đã thực hiện trong phần Khám phá.
- HS phát triển được năng lực tự chủ và tự học, năng lực nhận xét và đánh giá.

b) Tổ chức thực hiện

Bài tập 1, 3:

- GV yêu cầu HS hoàn thành phiếu học tập theo các bước:
- + Phát phiếu học tập và yêu cầu HS hoàn thành phiếu học tập.

PHIẾU HỌC TẬP	
Họ và tên: Lớp:	
1. Kể lại những nguy hiểm từ thiên nhiên đã xảy ra tại nơi em sinh sống. Những nguy hiểm đó đã gây ra hậu quả gì đối với con người và tài sản?	
Tình huống nguy hiểm từ thiên nhiên đã xảy ra tại nơi em sinh sống	Hậu quả đối với con người và tài sản
–	–
–	–
2. Em đồng tình hoặc không đồng tình với việc làm nào dưới đây? Tại sao?	
Việc làm	Đồng tình hay không đồng tình? Vì sao?
A. Trời mưa rất to, hai bạn Lâm và Hưng vẫn đạp xe về nhà, dù không có áo mưa.	
B. Trong khi đang có sấm sét, Bình vẫn sử dụng ti vi và các thiết bị điện.	
C. Được cảnh báo về cơn dông sắp đến, Hồng và các bạn quyết định ở lại trường, đợi khi trời hết dông mới đi về nhà.	
D. Con đường từ trường về nhà bị chia cắt bởi nước lũ lên nhanh, các bạn nam tranh thủ thi xem ai bơi được xa nhất.	

- + HS chuyển phiếu cho bạn ngồi cạnh và cùng chia sẻ.
- + Mời 3 – 5 HS trình bày kết quả trước lớp.
- + HS trong lớp nhận xét, chia sẻ.

Bài tập 2:

- GV tổ chức cho HS đóng vai để thực hiện bài tập 2 phần Luyện tập, trang 41 SGK, theo các bước sau:
 - + Các nhóm tạo thành một đội diễn (có thể chia theo vị trí ngồi, theo giới tính, ngẫu nhiên hoặc chia bằng dấu hiệu như: đánh số, giấy màu, mẫu hình,...).
 - + HS đọc tình huống và xây dựng kịch bản (lời thoại và hành động đi kèm).
 - + HS thực hiện đóng vai: Một HS vào vai Thành, các HS còn lại vào vai nhóm bạn của Thành. Nhóm HS xây dựng kịch bản thể hiện cách ứng phó và tìm cách giải thích cho Thành hiểu sự nguy hiểm của tình huống gặp phải.
 - + Mời 1 nhóm thể hiện cách xử lý tốt nhất thực hiện lại trước lớp để các HS khác nhận xét (nhóm này do GV lựa chọn trong quá trình quan sát HS đóng vai).
 - + GV nhận xét, đánh giá cách giải quyết của HS thông qua vai diễn.
 - + GV kết luận: Tình huống nguy hiểm từ thiên nhiên có thể xảy ra mọi lúc, mọi nơi nên việc rèn luyện cách ứng phó rất quan trọng, giúp em bình tĩnh lựa chọn được cách ứng phó tốt nhất để đảm bảo an toàn.



VẬN DỤNG

Hoạt động 6. Vận dụng

a) Mục tiêu

Giúp HS lập được kế hoạch cá nhân, xây dựng thông điệp và thực hiện dự án tuyên truyền để ứng phó với tình huống nguy hiểm từ thiên nhiên.

b) Tổ chức thực hiện

Bài tập vận dụng 1:

GV yêu cầu HS lập kế hoạch cá nhân về cách ứng phó với tình huống nguy hiểm từ thiên nhiên. Chia sẻ với các bạn trong lớp, trong nhóm về kế hoạch của mình. GV gợi ý các bước lập kế hoạch cá nhân:

- Liệt kê các tình huống nguy hiểm từ thiên nhiên quanh em.
- Phán đoán các hậu quả có thể xảy ra.
- Các kĩ năng đề ứng phó với những tình huống nguy hiểm đó.
- Chia sẻ kế hoạch với thầy cô, gia đình, các bạn trong lớp.
- Nộp kế hoạch để trao đổi, chia sẻ và đánh giá vào các thời điểm phù hợp trong kế hoạch giáo dục môn học của GV.

Bài tập vận dụng 2: Mỗi nhóm xây dựng một thông điệp về cách HS ứng phó với tình huống nguy hiểm từ thiên nhiên. Các nhóm giới thiệu thông điệp trước cả lớp.

- Các nhóm thảo luận nội dung thông điệp (Cách ứng phó với tình huống cụ thể nào? Ở đâu?...).
- Thảo luận cách thức thể hiện thông điệp (thuyết trình, làm thơ, thiết kế khẩu hiệu,...).
- Trao đổi với GV để thống nhất thông điệp về cách ứng phó với tình huống nguy hiểm từ thiên nhiên.
- Triển khai theo phương án đã thống nhất và giới thiệu thông điệp trước cả lớp.

Bài tập vận dụng 3: Em cùng bạn lập dự án tuyên truyền về phòng ngừa tai nạn do các tình huống nguy hiểm từ thiên nhiên, dành cho thiếu niên ở địa phương em đang sống theo hướng dẫn. GV hướng dẫn các nhóm cách tiến hành dự án cụ thể như sau:

- Tên dự án;
- Đối tượng dự án hướng tới;
- Các tai nạn do nguy hiểm từ thiên nhiên cần phải phòng ngừa ở địa phương;
- Cách phòng ngừa, ứng phó với nguy hiểm.

Lưu ý: Sản phẩm của dự án có thể là sổ tay tuyên truyền về phòng ngừa tai nạn do các tình huống nguy hiểm từ thiên nhiên; làm video clip; thiết kế khẩu hiệu tuyên truyền;...

Bài 9

TIẾT KIỆM

I. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS cần đạt được những yêu cầu sau:

1. Về kiến thức

- Nêu được khái niệm tiết kiệm và biểu hiện của tiết kiệm.
- Hiểu được vì sao phải tiết kiệm.

2. Về năng lực

HS được phát triển các năng lực:

- *Tư duy phê phán*: Nhận xét, đánh giá được việc thực hành tiết kiệm của bản thân và những người xung quanh. Phê phán các biểu hiện lãng phí.
- *Điều chỉnh hành vi*: Tự điều chỉnh hành vi, thói quen, việc làm và hành động cụ thể để rèn luyện lối sống tiết kiệm.
- *Tự học và tự chủ*: Tự lập kế hoạch rèn luyện tính tiết kiệm của bản thân trong học tập, sinh hoạt hằng ngày.

3. Về phẩm chất

Chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm trong tự học, tự rèn luyện lối sống tiết kiệm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV, sách bài tập *Giáo dục công dân 6*;
- Các video clip liên quan đến chủ đề tiết kiệm;
- Tranh/hình ảnh về chủ đề tiết kiệm;
- Phương tiện thiết bị: máy chiếu, máy tính, bảng phụ, thẻ từ,... (nếu có);
- Băng/đĩa/clip bài hát, tranh, hình ảnh về nội dung bài học;
- Phiếu học tập về biểu hiện của tiết kiệm và không tiết kiệm.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC



KHỞI ĐỘNG

Hoạt động 1. Khởi động

a) Mục tiêu

Tạo không khí vui tươi trong lớp học, gợi mở biểu tượng về tiết kiệm, giúp HS bước đầu nhận biết, làm quen với nội dung bài học.

b) Tổ chức thực hiện

- GV giao nhiệm vụ cho HS:
 - + Chia lớp thành 4 hoặc 6 nhóm.
 - + Yêu cầu các nhóm HS trao đổi và chia sẻ trước lớp cách làm để thực hiện mong muốn trong tình huống được nêu ra ở phần Khởi động.
- HS thực hiện nhiệm vụ: Các nhóm HS trao đổi, thảo luận về vấn đề, sau đó cử một đại diện của nhóm chia sẻ trước lớp. Các nhóm khác lắng nghe và chia sẻ.
- GV hướng dẫn HS chia sẻ theo các gợi ý sau:
 - + Liệt kê các cách để thực hiện mong muốn đó.
 - + Vấn đề được nêu ra nhắc đến chủ đề gì? Biểu hiện nào trong cách làm mà em vừa chia sẻ cho thấy đó là tiết kiệm?
- GV dựa vào câu trả lời của HS, dẫn vào bài học mới và giới thiệu những yêu cầu nhiệm vụ cụ thể cần giải quyết trong bài học.



KHÁM PHÁ

Hoạt động 2. Đọc thông tin, tìm hiểu thế nào là tiết kiệm

a) Mục tiêu

- HS nêu được khái niệm tiết kiệm.
- Phát triển năng lực tự học và tự chủ, giao tiếp và hợp tác.

b) Tổ chức thực hiện

- GV yêu cầu học sinh làm việc theo cặp: Đọc thông tin về “Tám gương sống giản dị và tiết kiệm của Bác Hồ” và trả lời câu hỏi.
 - + Hướng dẫn HS đọc kỹ thông tin và trả lời 4 câu hỏi.
 - + Cho HS trao đổi với bạn ngồi cạnh về 4 câu trả lời.
- Từ kết quả của nhiệm vụ cặp đôi, GV mời một số HS trả lời 4 câu hỏi và nhận xét. GV hướng dẫn HS kết luận: Tiết kiệm là biết sử dụng hợp lý, có hiệu quả của cải, thời gian, sức lực của mình và của người khác.

Hoạt động 3. Quan sát hình ảnh, tìm hiểu các biểu hiện của tiết kiệm

a) Mục tiêu

- HS liệt kê được các biểu hiện của tiết kiệm.
- Phân biệt được biểu hiện của tiết kiệm và không tiết kiệm.
- HS được phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác thông qua việc thảo luận nhóm về các biểu hiện của tiết kiệm.

b) Tổ chức thực hiện

- GV giao nhiệm vụ cho nhóm:

Nhiệm vụ 1: Quan sát hình ảnh và trả lời câu hỏi ở mục a. GV hướng dẫn các nhóm cách quan sát và nêu nội dung, cảm nghĩ khi quan sát các hình ảnh. Từ kết quả của nhiệm vụ các nhóm, GV mời một số HS trả lời các câu hỏi và nhận xét.

- Sản phẩm làm việc của nhóm:
 - + Từng cá nhân trong nhóm chia sẻ nội dung của các hình ảnh trong SGK và những hành vi, việc làm, hoạt động thể hiện việc tiết kiệm mà các em đã thực hiện/đã chứng kiến/đã sưu tầm được.
 - + Nhóm thảo luận, thống nhất và liệt kê các biểu hiện của tiết kiệm và ghi ra giấy khổ to:

Biểu hiện của tiết kiệm	Biểu hiện của không tiết kiệm
–	–
–	–
....	

Nhiệm vụ 2: GV hướng dẫn các nhóm đọc thông tin ở mục b, phân biệt tiết kiệm với không tiết kiệm và thảo luận các câu hỏi. Từ kết quả trong nhiệm vụ của các nhóm, GV mời một số HS trả lời các câu hỏi và nhận xét.

- Sản phẩm làm việc của nhóm:
 - + Từng cá nhân trong nhóm chia sẻ câu trả lời và nêu những biểu hiện trái với tiết kiệm trong cuộc sống hằng ngày.
 - + Nhóm thảo luận, thống nhất và liệt kê các biểu hiện không tiết kiệm và ghi vào giấy khổ to.
- Trưng bày sản phẩm xung quanh lớp học (sử dụng kỹ thuật phòng tranh). Cả lớp đi xem và ghi ý kiến bình luận, bổ sung (sử dụng kỹ thuật 3-2-1 – 3 điều thu nhận được; 2 điều cần trao đổi/chia sẻ; 1 câu hỏi/thắc mắc).

- Sau khi HS thực hiện các nhiệm vụ, GV nhận xét và hướng dẫn HS kết luận về biểu hiện của tiết kiệm: Người tiết kiệm là người biết cân đối, chi tiêu có kế hoạch, có tính toán, xem xét đầy đủ các yếu tố để đạt được mục tiêu, nhiệm vụ đề ra.

Lưu ý: Ngoài cách tổ chức hoạt động này, GV có thể thiết kế thành phiếu học tập và hướng dẫn HS hoàn thành phiếu cá nhân sau đó tổ chức thảo luận để hoàn thành bảng nhóm.

Hoạt động 4. Tìm hiểu ý nghĩa của tiết kiệm

a) Mục tiêu

- Giải thích được vì sao phải tiết kiệm.
- HS được phát triển năng lực điều chỉnh hành vi và năng lực phát triển bản thân.

b) Tổ chức thực hiện

- GV giao nhiệm vụ cho cá nhân: GV hướng dẫn HS ghi vào giấy các nội dung sau:
 - + Liệt kê tất cả các hoạt động trong một ngày theo thời gian biểu.
 - + Hậu quả của lãng phí thời gian.
- Từ kết quả của nhiệm vụ cá nhân, GV mời một số HS trả lời các câu hỏi và nhận xét.
- GV giao nhiệm vụ thảo luận cho nhóm: Yêu cầu các nhóm thảo luận về các lí do cần sống tiết kiệm của bản thân?
- Sản phẩm làm việc của nhóm:
 - + Nhóm thảo luận, thống nhất các lí do cần tiết kiệm trong cuộc sống hằng ngày, sử dụng quỹ thời gian, hiệu quả học tập, làm việc,...
 - + Sau khi HS thực hiện các nhiệm vụ, GV nhận xét và hướng dẫn HS kết luận ý nghĩa của tiết kiệm: Tiết kiệm có ý nghĩa và vai trò quan trọng đối với đời sống. Nó giúp con người biết quý trọng thời gian, tiền bạc, thành quả lao động của bản thân và của người khác nhằm làm giàu cho bản thân, gia đình và xã hội.

Hoạt động 5. Thảo luận về rèn luyện lối sống tiết kiệm

a) Mục tiêu

- Thực hành lối sống tiết kiệm thông qua việc giải quyết tình huống và xác định mục tiêu cụ thể của việc tiết kiệm.

- HS được phát triển năng lực tự chủ và tự học, năng lực điều chỉnh hành vi, năng lực phát triển bản thân.

b) Tổ chức thực hiện

- GV giao nhiệm vụ cho nhóm: đọc tình huống, thảo luận tình huống và đóng vai để thực hiện cách giải quyết tình huống. Hướng dẫn các nhóm thảo luận:
 - + Nhóm đồng ý với ý kiến của ai?
 - + Hãy giúp Hiền giải thích với Hoà để Hoà ý thức được việc tiết kiệm?
- Sản phẩm làm việc của nhóm: nhóm thảo luận, đóng vai để giải quyết tình huống.
- GV giao nhiệm vụ cho cá nhân:
 - + Liệt kê các mục tiêu tiết kiệm mà em mong muốn đạt được nhất.
 - + Liệt kê những việc cần làm để đạt mục tiêu theo gợi ý:

Việc cần làm	Thực hiện	Kết quả
....	...	...
...	...	...

- Sau khi HS làm xong nhiệm vụ cá nhân, GV cho HS thảo luận cặp đôi để chia sẻ. GV mời một số em chia sẻ và hướng dẫn HS kết luận việc rèn luyện lối sống tiết kiệm.



LUYỆN TẬP

Hoạt động 6. Luyện tập

a) Mục tiêu

- Giúp HS thực hành, củng cố những kiến thức về tiết kiệm đã thực hiện trong phần Khám phá.
- Hình thành kỹ năng nhận xét, đánh giá, giải quyết vấn đề.

b) Tổ chức thực hiện

Bài tập 1,3

- GV yêu cầu HS hoàn thành phiếu học tập theo các bước:
 - + Phát phiếu học tập và yêu cầu HS hoàn thành phiếu học tập.

PHIẾU HỌC TẬP

Họ và tên:..... Lớp:.....

1. Hãy đánh dấu X vào những biểu hiện, việc làm tiết kiệm và giải thích vì sao.

Việc làm		Giải thích
A. Giữ gìn quần áo, đồ dùng, đồ chơi.	☐	—.....
B. Vẽ, bôi bẩn ra sách vở, bàn ghế, tường lớp học.	☐	—.....
C. Hoàn thành công việc đúng hạn.	☐	—.....
D. Tắt các thiết bị điện khi không sử dụng.	☐	—.....
E. Thường xuyên quên khoá vòi nước.	☐	—.....

2. Em đồng tình hay không đồng tình với ý kiến nào dưới đây? Vì sao?

Ý kiến		Giải thích
A. Tiết kiệm tiền của là keo kiệt, bủn xỉn.	☐	—.....
B. Tiết kiệm tiền của là chi tiêu hợp lí, không hoang phí.	☐	—.....
C. Tiết kiệm tiền của vừa ích nước, vừa lợi nhà.	☐	—.....
D. Tiết kiệm tiền của chỉ là việc của gia đình nghèo.	☐	—.....

- + HS chuyển phiếu cho bạn ngồi cạnh và cùng chia sẻ.
- + Mời 3 – 5 HS trình bày kết quả trước lớp.
- + HS trong lớp nhận xét, chia sẻ.

Bài tập 2:

GV tổ chức cho HS đóng vai để thực hiện bài tập 2 phần Luyện tập, trang 47 SGK, theo các bước sau:

- Hai HS tạo thành một cặp diễn (có thể chia theo vị trí ngồi, theo giới tính, ngẫu nhiên hoặc chia bằng dấu hiệu như: đánh số, giấy màu, mẫu hình,...).
- HS đọc tình huống và xây dựng kịch bản (lời thoại và hành động đi kèm).
- HS thực hiện đóng vai: Một HS đóng vai Hà, một HS đóng vai bạn của Hà. Nhóm HS xây dựng kịch bản xử lý tình huống trong 2 phút và đổi vai cho nhau.
- HS chia sẻ cảm xúc, suy nghĩ sau khi đóng vai.
- Mời 1 nhóm thể hiện cách xử lý tốt nhất thực hiện lại trước lớp để các HS khác nhận xét (nhóm này do GV lựa chọn trong quá trình quan sát HS đóng vai).

GV nhận xét, đánh giá cách xử lý tình huống của HS thông qua vai diễn.

Bài tập 4:

- GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân:
 - + HS đọc bài tập 4 phần Luyện tập, trang 47 SGK, suy nghĩ câu trả lời.
 - + Mời HS xung phong phát biểu trả lời 3 ý kiến ở mục 4.
- GV nhận xét, đánh giá ý kiến của HS.



VẬN DỤNG

Hoạt động 7. Vận dụng

a) Mục tiêu

Lập được kế hoạch rèn luyện lối sống tiết kiệm; sưu tầm các câu chuyện, tấm gương về lối sống tiết kiệm; chia sẻ thông điệp về tiết kiệm.

b) Tổ chức thực hiện

Bài tập vận dụng 1:

- GV yêu cầu HS lập kế hoạch tiết kiệm, kế hoạch cần cụ thể bao gồm các nội dung sau:
 - + Mục tiêu của việc tiết kiệm;
 - + Các việc cần làm để tiết kiệm;
 - + Dự kiến kết quả đạt được;

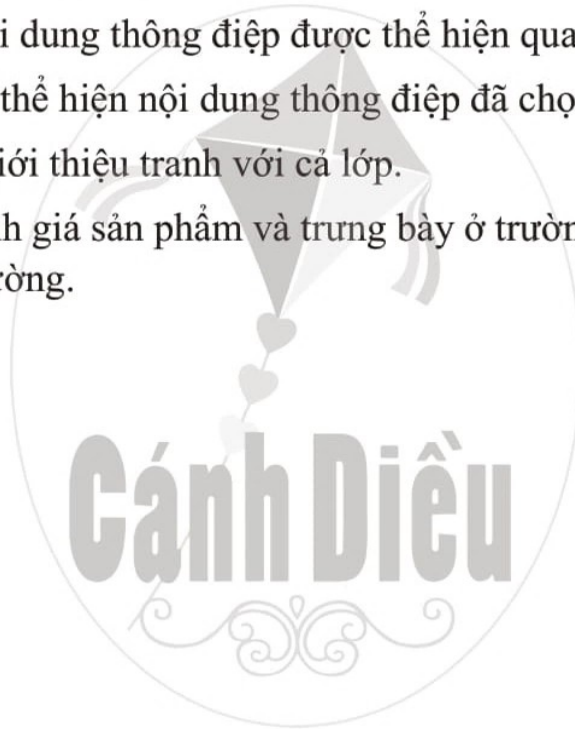
- + Nộp kế hoạch để trao đổi, chia sẻ và đánh giá vào các thời điểm phù hợp trong kế hoạch giáo dục môn học của GV.

Bài tập vận dụng 2:

- GV giao nhiệm vụ cho các nhóm HS, cụ thể như sau:
 - + Suy tầm và chia sẻ với các bạn trong nhóm, lớp những câu chuyện, tấm gương về lối sống tiết kiệm.
 - + Chia sẻ những điều em học được từ những câu chuyện, tấm gương đó.

Bài tập vận dụng 3:

- GV tổ chức cuộc thi vẽ tranh để thể hiện thông điệp “Tiết kiệm”, hướng dẫn các nhóm HS thực hiện theo các bước:
 - + Xác định nội dung thông điệp được thể hiện qua tranh vẽ;
 - + Vẽ tranh để thể hiện nội dung thông điệp đã chọn;
 - + Trình bày, giới thiệu tranh với cả lớp.
- GV tổ chức đánh giá sản phẩm và trưng bày ở trường để chia sẻ thông điệp đến HS toàn trường.



Bài 10

CÔNG DÂN NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

I. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS cần đạt được những yêu cầu sau:

1. Về kiến thức

- Nêu được khái niệm công dân.
- Nêu được các căn cứ xác định công dân nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Về năng lực

HS được phát triển các năng lực:

- *Tự học*: Tự tìm hiểu, nghiên cứu để nhận biết được các căn cứ xác định công dân của một nước.
- *Tìm hiểu các hiện tượng kinh tế – xã hội*: Tìm hiểu các hiện tượng pháp luật thông qua hoạt động đọc thông tin về các trường hợp có quốc tịch.
- *Hợp tác, giải quyết vấn đề*: Hợp tác với các bạn trong lớp trong các hoạt động học tập; cùng bạn bè tham gia giải quyết nhiệm vụ học tập, trả lời các câu hỏi trong bài học.

3. Về phẩm chất

Trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm là công dân Việt Nam.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV, sách bài tập *Giáo dục công dân 6*;
- Băng/đĩa/clip bài hát, tranh, hình ảnh về nội dung bài học;
- Phương tiện thiết bị: máy chiếu, máy tính, bảng phụ,... (nếu có);
- Phiếu học tập;
- Giấy khổ lớn các loại.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC



KHỞI ĐỘNG

Hoạt động 1: Khởi động

a) Mục tiêu

HS có cảm xúc, tình yêu quê hương, đất nước Việt Nam.

b) Tổ chức thực hiện

- Cả lớp cùng nghe bài hát *Việt Nam ơi*.
- GV nêu câu hỏi: Cảm xúc của em thế nào về hình ảnh đất nước và con người Việt Nam sau khi nghe bài hát?
- Một số HS phát biểu, bày tỏ cảm xúc sau khi nghe bài hát.
- GV tóm tắt và giới thiệu bài học mới.



KHÁM PHÁ

Hoạt động 2: Thảo luận, tìm hiểu khái niệm công dân

- GV giao nhiệm vụ cho HS quan sát hình ảnh, đọc về các trường hợp qua 4 hình ảnh; thảo luận nhóm đôi theo câu hỏi:

a) Thế nào là công dân của một nước?

b) Căn cứ vào đâu để xác định công dân của một nước?

- HS làm việc theo nhóm đôi.
- Đại diện một số nhóm trả lời câu hỏi theo 4 trường hợp, từ đó rút ra khái niệm công dân.
- GV hướng dẫn HS kết luận:
 - + Nước nào cũng có công dân của mình. Công dân là người dân của một nước. Khi nói một người là người nước nào đó ta cũng nói người ấy là công dân nước đó. Ví dụ: người Việt Nam là công dân Việt Nam, người Pháp là công dân Pháp, người Nhật Bản là công dân Nhật Bản,...
 - + Quốc tịch là căn cứ để xác định công dân của một nước. Muốn biết một người nào đó có phải là công dân của một nước hay không, cần tìm hiểu xem người đó có quốc tịch nước đó hay không.

Hoạt động 3: Tìm hiểu các căn cứ xác định công dân nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam

- GV yêu cầu HS làm việc nhóm, đọc thông tin 1, 2, 3 và trả lời các câu hỏi ở trang 50 SGK:

- Vì sao Hương, Lan và Nam đều là công dân Việt Nam? Căn cứ vào yếu tố nào để có thể khẳng định điều này?*
- Vì sao bạn Toàn sinh ra ở Nga nhưng vẫn là công dân Việt Nam?*
- Vì sao bạn Ly có bố là người Hàn Quốc, mẹ là người Việt Nam, nhưng bạn ấy vẫn là công dân Việt Nam? Ly có thể mang quốc tịch Hàn Quốc được không?*

- HS thực hiện nhiệm vụ.
- Đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận. Các nhóm khác bổ sung.
- GV nhận xét, hướng dẫn HS kết luận:

- 1) Hương, Lan, Nam đều là công dân Việt Nam, vì cả ba bạn đều có bố mẹ mang quốc tịch Việt Nam, là công dân Việt Nam. Theo Luật Quốc tịch, ba bạn đều là công dân Việt Nam.
- 2) Bạn Toàn sinh ra ở Nga nhưng có cả bố và mẹ đều mang quốc tịch Việt Nam, là công dân Việt Nam. Theo Luật Quốc tịch, bạn Toàn là công dân Việt Nam.
- 3) Bạn Ly có bố là người Hàn Quốc, mẹ là người Việt Nam, nhưng bạn vẫn là công dân Việt Nam, vì theo Luật Quốc tịch, bố mẹ bạn có quốc tịch khác nhau mà khi sinh ra bạn cả hai người thoả thuận chọn quốc tịch Việt Nam cho bạn, thì bạn có quốc tịch Việt Nam. Vì thế bạn Ly có quốc tịch Việt Nam, là công dân Việt Nam.

Bạn Ly có thể mang quốc tịch Hàn Quốc, nếu khi sinh ra, bố mẹ Ly thoả thuận chọn cho bạn quốc tịch Hàn Quốc.

- GV tổ chức cho HS tiếp tục làm việc cá nhân, đọc thông tin trong khung chốt kiến thức, trang 50 SGK, nêu được hai yêu cầu:

- 1) *Dựa vào căn cứ nào để xác định một người là công dân nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam?*
- 2) *Người có quốc tịch Việt Nam là người thuộc các trường hợp nào?*

- HS làm việc cá nhân.
- GV yêu cầu một vài HS nêu hai yêu cầu trên.
- HS trả lời.
- GV nhận xét, hướng dẫn HS kết luận:

1) Công dân nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là người có quốc tịch Việt Nam. Quốc tịch Việt Nam là căn cứ xác định công dân Việt Nam.

2) Người có quốc tịch Việt Nam là người thuộc một trong sáu trường hợp được nêu ở khung chốt kiến thức cuối trang 50 SGK. GV cho HS đọc và phân tích từng trường hợp để HS hiểu rõ nội dung.



LUYỆN TẬP

Hoạt động 4: Luyện tập, củng cố

a) Mục tiêu

- HS luyện tập, củng cố kiến thức, kỹ năng đã được hình thành trong phần Khám phá.
- HS được phát triển năng lực tự học, năng lực hợp tác.

b) Tổ chức thực hiện

- GV yêu cầu HS làm các bài tập trong SGK trên lớp và ở nhà theo cá nhân và theo nhóm.
- HS thực hiện nhiệm vụ.
- GV mời một số HS đại diện các nhóm trả lời các câu hỏi, bài tập.
- GV kết luận, gợi ý các bài tập sau:

Bài tập 1:

- Trường hợp A, B: Bạn Hiền, Hưng là công dân Việt Nam.
- Trường hợp C: Bạn Ôn-ga là công dân Nga.
- Trường hợp D: Bạn Quân là công dân Việt Nam, vì theo khoản 2 Điều 16 Luật Quốc tịch năm 2008 thì “trường hợp trẻ em được sinh ra trên lãnh thổ Việt Nam mà cha mẹ không thoả thuận được việc lựa chọn quốc tịch cho con thì trẻ em đó có quốc tịch Việt Nam.”.

Bài tập 2: Phương án C.

Bài tập 3: Bạn Hường có quốc tịch Việt Nam, là công dân Việt Nam, vì theo khoản 2 Điều 16 Luật Quốc tịch năm 2008 thì “trường hợp trẻ em được sinh ra trên lãnh thổ Việt Nam mà cha mẹ không thoả thuận được việc lựa chọn quốc tịch cho con thì trẻ em đó có quốc tịch Việt Nam.”.



Hoạt động 5: Vận dụng

a) Mục tiêu

Hình thành năng lực nhận xét, đánh giá và năng lực điều chỉnh hành vi.

b) Tổ chức thực hiện

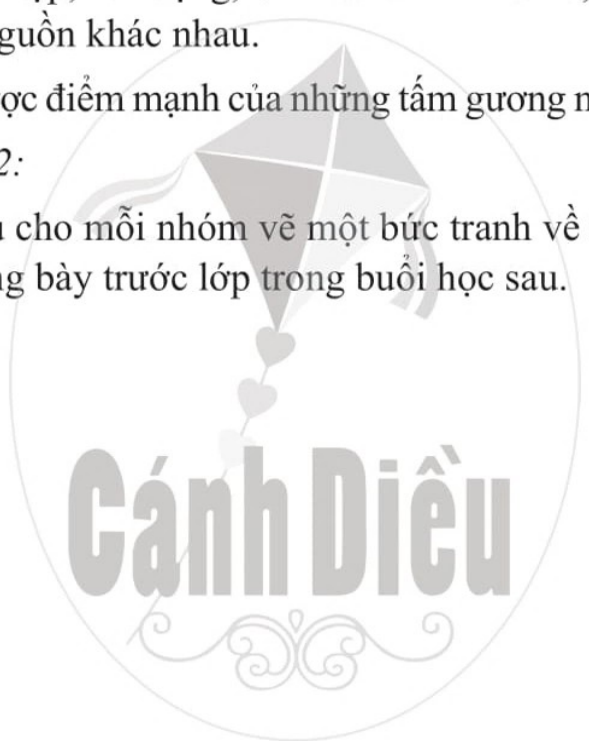
Bài tập vận dụng 1:

GV yêu cầu một số HS kể về một số tấm gương công dân Việt Nam tiêu biểu trong các lĩnh vực học tập, lao động, sản xuất kinh doanh, bảo vệ Tổ quốc,... mà HS tìm hiểu qua các nguồn khác nhau.

Yêu cầu HS nói được điểm mạnh của những tấm gương này mà mình cần học tập.

Bài tập vận dụng 2:

GV giao nhiệm vụ cho mỗi nhóm vẽ một bức tranh về chủ đề “Tự hào là công dân Việt Nam” và trưng bày trước lớp trong buổi học sau.



Cánh Diều

Bài 11

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CƠ BẢN CỦA CÔNG DÂN VIỆT NAM

I. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS cần đạt được các yêu cầu sau:

1. Về kiến thức

Nêu được quy định của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam về quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.

2. Về năng lực

HS được phát triển các năng lực:

- *Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế – xã hội*: Tìm hiểu Hiến pháp và tham gia các hoạt động thực hiện quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.
- *Năng lực phát triển bản thân*: Nhận thức được những quyền và nghĩa vụ của công dân; xác định, lập kế hoạch học tập, lao động, rèn luyện của bản thân phù hợp với quyền và nghĩa vụ học tập của công dân.
- *Năng lực điều chỉnh hành vi*: Đánh giá được hành vi của bản thân; điều chỉnh hành vi trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân phù hợp với lứa tuổi.

3. Về phẩm chất

- *Trách nhiệm*: Có trách nhiệm trong học tập, lao động và trong cuộc sống, thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.
- *Chăm chỉ*: Chăm học để thực hiện quyền và nghĩa vụ học tập của HS.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV, sách bài tập *Giáo dục công dân 6*;
- Băng/đĩa/clip bài hát, tranh, hình ảnh về nội dung bài học;
- Phương tiện thiết bị: máy chiếu, máy tính, bảng phụ,... (nếu có);
- Phiếu học tập;
- Giấy khổ lớn các loại.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC



KHỞI ĐỘNG

Hoạt động 1: Khởi động

a) Mục tiêu

- Tạo không khí vui vẻ để HS chuẩn bị vào bài học mới.
- HS bước đầu nhận biết được quyền và nghĩa vụ công dân.

b) Tổ chức thực hiện

- GV yêu cầu HS cả lớp quan sát hình ảnh, suy nghĩ, nêu các quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.
- HS quan sát hình ảnh, suy nghĩ, trả lời câu hỏi.
- GV tổng hợp ý kiến của HS và giới thiệu bài học mới.



KHÁM PHÁ

Hoạt động 2: Tìm hiểu quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân

a) Mục tiêu

- HS biết được thế nào là quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.
- HS phát triển được các năng lực tự học, hợp tác.

b) Tổ chức thực hiện

- GV tổ chức các nhóm HS quan sát hình ảnh, đọc thông tin và trả lời hai câu hỏi:
 - Hình ảnh và thông tin trên đây thể hiện những quyền và nghĩa vụ cơ bản nào của công dân?*
 - Em hiểu thế nào là quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân?*
- HS trao đổi, làm việc nhóm.
- GV mời các nhóm trình bày ý kiến của mình. Các nhóm khác bổ sung.
- GV hướng dẫn HS kết luận:
 - Hình ảnh 1 và thông tin 3 thể hiện quyền và nghĩa vụ học tập của công dân. Hình ảnh 2 và thông tin 1, 2 thể hiện quyền bí mật thư tín, điện thoại, điện tín của công dân.
 - Thế nào là quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân? Trả lời theo khung chốt kiến thức ở cuối trang 53 SGK.

Hoạt động 3: Thảo luận, nêu được quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân theo Hiến pháp 2013

a) Mục tiêu

- HS nêu được nội dung quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.
- HS phát triển được các năng lực: tự học, hợp tác, phát triển bản thân.

b) Tổ chức hoạt động

- GV tổ chức lớp thành các nhóm; giao nhiệm vụ cho các nhóm đọc các điều khoản của Hiến pháp về quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân; trả lời câu hỏi: *Công dân có những quyền và nghĩa vụ cơ bản nào theo Hiến pháp năm 2013?*
- Các nhóm HS làm việc.
- GV mời 4 – 5 nhóm lên trình bày (mỗi nhóm trình bày 3 – 4 điều của Hiến pháp). Khi đại diện các nhóm trình bày, GV yêu cầu HS nói những hiểu biết của mình về điều khoản vừa nêu. Các nhóm khác hoặc HS khác trong nhóm có thể bổ sung, giải thích về các quyền và nghĩa vụ này.
- GV nhận xét, kết luận về các quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân được quy định trong 16 điều của Hiến pháp.
- Tùy từng đối tượng HS, GV có thể giải thích cho HS hiểu về nội dung một số quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân quy định trong Hiến pháp:
 - + Điều 20 có nghĩa là:
 - Không ai được xâm phạm đến thân thể của người khác, trừ trường hợp được pháp luật cho phép.
 - Không ai được làm tổn hại đến sức khỏe người khác; không ai được nói xấu, xúc phạm, bôi nhọ danh dự của người khác.
 - + Điều 21 có nghĩa là:
 - Không ai được xâm phạm đến chuyện riêng tư của người khác.
 - Danh dự, nhân phẩm của cá nhân được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ. Khi danh dự, uy tín của mình bị xâm phạm, công dân có quyền đề nghị các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền can thiệp, bảo vệ, giúp đỡ.
 - Không ai được xâm phạm bí mật thư tín, điện thoại, điện tín và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác như Facebook, Zalo và các mạng xã hội khác.
 - + Điều 24 có nghĩa là: Công dân có quyền tự do thể hiện quan điểm, quyết

định của mình theo tôn giáo này hay tôn giáo khác, không ai được ép buộc hoặc cản trở.

- + Điều 25 có nghĩa là: Công dân có quyền tự do phát biểu ý kiến, quan điểm của mình về tất cả các vấn đề chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội của địa phương, cơ sở và đất nước.
- + Điều 28 có nghĩa là: Công dân có quyền tham gia bàn bạc, góp ý kiến vào các công việc chung của đất nước, như chủ trương, chính sách, kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội của Nhà nước ở Trung ương cũng như ở địa phương, cơ sở; góp ý kiến với cán bộ công chức nhà nước, với đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân về xây dựng bộ máy, phát triển kinh tế – xã hội,...
- + Điều 30 có nghĩa là:
 - Công dân có quyền đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xem xét lại quyết định, hành vi của cơ quan nhà nước và của người có thẩm quyền trong cơ quan nhà nước hoặc quyết định kỉ luật cán bộ, công chức khi có căn cứ cho rằng quyết định hoặc hành vi đó là trái pháp luật, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình.
 - Công dân có quyền và nghĩa vụ báo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền biết về hành vi vi phạm pháp luật của bất cứ cơ quan, tổ chức, cá nhân nào gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, cơ quan, tổ chức.
- + Điều 32 có nghĩa là:
 - Công dân có đầy đủ quyền chiếm hữu, quyền sử dụng và quyền định đoạt đối với tài sản của mình.
 - Mọi tài sản hợp pháp của cá nhân đều được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.
 - Nhà nước bảo vệ quyền sở hữu của mọi cá nhân, xử lí nghiêm các hành vi xâm phạm tới tài sản của cá nhân.
- + Điều 33 có nghĩa là: Công dân có quyền tự do kinh doanh trong các ngành nghề, nếu đáp ứng các tiêu chuẩn quy định và được cơ quan đăng kí kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng kí kinh doanh. Ví dụ: mở cửa hàng bán dược phẩm thì phải có bằng tốt nghiệp cao đẳng Dược; mở cửa hàng ăn uống thì phải có xác nhận về sức khoẻ của cơ quan y tế;...
- + Điều 43 có nghĩa là:
 - Công dân có quyền yêu cầu các cơ quan nhà nước đảm bảo môi trường trong lành để bảo vệ sức khoẻ.

- Công dân có nghĩa vụ bảo vệ môi trường, từ môi trường ở gia đình, trong khu dân cư đến môi trường công cộng, môi trường khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.
- + Điều 47 có nghĩa là: Công dân có nghĩa vụ nộp thuế theo quy định của pháp luật. Cụ thể: Người sản xuất, kinh doanh phải nộp thuế thu nhập đúng kì hạn, kê khai đúng số lượng, đúng doanh thu; mọi người phải nộp thuế thu nhập cá nhân theo các mức quy định.

Hoạt động 4: Thảo luận về cách thức thực hiện quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân

a) Mục tiêu

- HS hiểu về cách thực hiện quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.
- HS phát triển được năng lực điều chỉnh hành vi hợp tác, năng lực điều chỉnh hành vi.

b) Tổ chức thực hiện

- GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm về 4 tình huống, tương ứng với 4 quyền cơ bản của công dân.
- Các nhóm trao đổi, thảo luận.
- GV lần lượt gọi các nhóm báo cáo kết quả thảo luận theo từng tình huống. Mỗi tình huống gọi một nhóm trình bày và các nhóm khác bổ sung. GV kết luận ngay sau mỗi tình huống.

Câu hỏi ở tình huống 1:

- Em hãy nhận xét việc thực hiện quyền tự do ngôn luận của HS trong trường hợp này.*
 - Theo em, trong trường hợp này HS có thể phát biểu ở đâu và phát biểu như thế nào?*
 - GV kết luận:
- Việc thực hiện quyền tự do ngôn luận của HS:
 - + Nhóm thứ nhất: Thực hiện tốt quyền tự do ngôn luận của công dân, HS, vì đã tích cực tham gia đóng góp ý kiến về những nội dung liên quan đến học tập của HS.
 - + Nhóm thứ hai: Chưa thực hiện quyền tự do ngôn luận của HS, vì đã hiểu không đúng về quyền tự do ngôn luận của công dân. Đây là quyền của mọi công dân, tùy theo lứa tuổi, vị trí công tác mà có sự tham gia khác nhau.
 - Trong trường hợp này, HS có thể phát biểu trong các cuộc họp ở lớp và trong các cuộc họp chung toàn trường do nhà trường tổ chức.

Câu hỏi ở tình huống 2: Em hãy cho biết ý kiến của mình về việc thực hiện quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ đóng thuế của chị Điệp.

- GV kết luận: Chị Điệp đã thực hiện tốt quyền tự do kinh doanh của công dân, theo Điều 33 và Điều 47 Hiến pháp:
- + Làm thủ tục đăng kí kinh doanh quẹt điện (mặt hàng pháp luật không cấm) và mở cửa hàng khi được cấp Giấy chứng nhận đăng kí kinh doanh.
- + Nộp thuế đầy đủ theo quy định của pháp luật.

Câu hỏi ở tình huống 3: Theo em, ý kiến nào trên đây là đúng quyền và nghĩa vụ bảo vệ môi trường?

- GV kết luận: Ý kiến thứ nhất đúng về quyền và nghĩa vụ bảo vệ môi trường, vì đã thực hiện đúng quy định về bảo vệ môi trường của cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ.

Câu hỏi ở tình huống 4:

- a) Em đồng tình hay phản đối việc làm của T? Vì sao?
- b) Trong trường hợp này, D có thể làm gì để bảo vệ quyền của mình?

– GV hướng dẫn HS kết luận:

- 1) Phản đối việc làm của T, vì đã nói xấu, xúc phạm danh dự, uy tín của D.
- 2) D có thể nói với T về sự việc này, yêu cầu T xin lỗi, dừng việc tuyên truyền, nói xấu và minh oan cho D trước các bạn. Nếu T không nhận lỗi, D có thể nhờ thầy cô giáo, nhà trường và các cơ quan chức năng can thiệp. Ở mức trầm trọng, D có thể nhờ cơ quan pháp luật can thiệp, vì đã bị T xâm phạm danh dự, uy tín.



LUYỆN TẬP

Hoạt động 5: Luyện tập, củng cố

a) Mục tiêu

- HS luyện tập, củng cố kiến thức, kĩ năng đã được hình thành trong phần Khám phá.
- HS phát triển được năng lực tự học, năng lực hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề.

b) Tổ chức thực hiện

- GV yêu cầu HS làm các bài tập trong SGK trên lớp và ở nhà theo cá nhân và theo nhóm.

- HS thực hiện nhiệm vụ.
- GV mời một số HS đại diện các nhóm trả lời các câu hỏi, bài tập.
- GV kết luận, gợi ý các bài tập sau:

Bài tập 1:

Nghệ sĩ V cần làm theo các cách sau:

- + Yêu cầu người sử dụng Facebook đã xúc phạm mình phải chấm dứt hành vi này.
- + Khởi kiện, đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền can thiệp, xử lý hành vi vi phạm pháp luật của người sử dụng Facebook.

Bài tập 2:

- + Ba bạn HS có biểu hiện không có ý thức tự giác thực hiện quyền và nghĩa vụ công dân.
- + Mọi công dân đều có nghĩa vụ bảo vệ môi trường, tùy thuộc vào độ tuổi. HS THCS có nghĩa vụ bảo vệ môi trường với tư cách là một công dân.

Bài tập 4: Đối với HS, quyền và nghĩa vụ quan trọng nhất là quyền và nghĩa vụ học tập, vì mỗi công dân đều có những quyền và nghĩa vụ khác nhau, nhưng ở tuổi HS thì quyền và nghĩa vụ học tập là vô cùng quan trọng.



VẬN DỤNG

Hoạt động 6. Vận dụng

Bài tập vận dụng:

GV giao nhiệm vụ cho các nhóm HS thực hiện ở nhà, trưng bày sản phẩm trước lớp trong buổi học sau.

Bài 12

QUYỀN TRẺ EM

I. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS cần đạt được các yêu cầu sau:

1. Về kiến thức

- Nêu được các quyền cơ bản của trẻ em.
- Trình bày được nghĩa của quyền trẻ em và việc thực hiện quyền trẻ em.
- Xác định được trách nhiệm của gia đình, nhà trường, xã hội trong việc thực hiện quyền trẻ em.

2. Về năng lực

HS được phát triển các năng lực:

- *Tự học và tự chủ*: Tự đọc và phân tích các thông tin để phát biểu được ý nghĩa của quyền trẻ em và việc thực hiện quyền trẻ em.
- *Tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế – xã hội*: Liệt kê, sắp xếp, nêu được các quyền cơ bản của trẻ em theo 4 nhóm quyền và nêu được trách nhiệm của gia đình, nhà trường, xã hội trong việc thực hiện quyền trẻ em.
- *Điều chỉnh hành vi*: Nhận xét, đánh giá được hành vi thực hiện quyền trẻ em và hành vi vi phạm quyền trẻ em của bản thân, gia đình, nhà trường, cộng đồng; Bày tỏ được nhu cầu và thực hiện tốt quyền và bổn phận của trẻ em.
- *Phát triển bản thân*: Xây dựng được kế hoạch thực hiện quyền trẻ em của bản thân và thực hiện theo kế hoạch đã xây dựng.

3. Về phẩm chất

- *Nhân ái*: Yêu thương, chăm sóc, giúp đỡ trẻ em.
- *Trách nhiệm*: Thực hiện tốt bổn phận của trẻ em đối với bản thân, gia đình, cộng đồng.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV, sách bài tập *Giáo dục công dân 6*;
- Video bài hát “Quyền trẻ em” của tác giả Trịnh Vĩnh Thành;
- Văn bản: Công ước của Liên Hợp quốc về quyền trẻ em, Luật Trẻ em (2016);
- Phương tiện thiết bị: thẻ từ (4 nhóm quyền; bổn phận của trẻ em), giấy A0,

A4, bút dạ, bút vẽ, bảng phụ;

- Phiếu học tập để phân biệt hành vi thực hiện đúng, không đúng quyền trẻ em.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC



KHỞI ĐỘNG

Hoạt động 1. Khởi động

a) Mục tiêu

- HS tích cực, hứng thú quan sát hình ảnh và phát biểu ý kiến.
- HS phát hiện được vấn đề cần tìm hiểu: Trẻ em có những quyền gì? Ai có thể đảm bảo cho những quyền đó được thực hiện?

b) Tổ chức thực hiện

- GV hướng dẫn HS mô tả tranh và trả lời câu hỏi.
- Yêu cầu học sinh viết nhanh ra giấy A4 hoặc vở nháp những gì quan sát được từ hình ảnh trang 58 SGK và những điều mình mong muốn.
- Gọi từ 3 – 5 HS chia sẻ trước lớp. Những HS khác phát biểu bổ sung.
- GV dựa vào câu trả lời của HS (không kết luận đúng/sai) để giới thiệu bài và dẫn dắt HS vào bài học.

Lưu ý: Ngoài cách này, GV cũng có thể cho HS xem một đoạn video ngắn về tình trạng lạm dụng sức lao động của trẻ em hoặc video về các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ em và yêu cầu HS nêu nhận xét hoặc cảm nghĩ của mình về nội dung của đoạn video đó.



KHÁM PHÁ

Hoạt động 2. Tìm hiểu các quyền cơ bản của trẻ em

a) Mục tiêu

- HS liệt kê, sắp xếp và nêu được các quyền cơ bản của trẻ em theo 4 nhóm quyền.
- HS phát triển được năng lực tự học, quan sát, hợp tác.

b) Tổ chức thực hiện

- GV hướng dẫn HS khai thác nội dung bài hát “Quyền trẻ em” theo các bước:

- + Nêu/chiếu yêu cầu lên màn hình: Liệt kê các quyền trẻ em mong muốn trong bài hát vào các thẻ từ màu xanh (phát thẻ xanh và bút viết cho các nhóm).
- + HS nghe bài hát hoặc cùng nhau hát theo nhịp vỗ tay sau đó thực hiện yêu cầu.
- + GV nêu câu hỏi: Những mong muốn của trẻ em mà các em vừa tìm được qua lời bài hát có phải là quyền của trẻ em không? Vì sao?
- GV hướng dẫn HS kết luận: Quyền trẻ em là những lợi ích mà trẻ em được hưởng để được sống và phát triển toàn diện về thể chất và tinh thần.
- GV hướng dẫn HS làm việc nhóm để xác định các quyền cơ bản của trẻ em và biểu hiện cụ thể của quyền đó:
 - + GV chia lớp thành các nhóm (6 HS/nhóm).
 - + GV phát cho mỗi nhóm 4 thẻ từ tương ứng với 4 nhóm quyền và yêu cầu HS xác định những hình ảnh trang 59 SGK tương ứng với nhóm quyền nào. Nêu rõ những chi tiết trong ảnh thể hiện điều đó.

Quyền sống còn	Quyền phát triển	Quyền tham gia	Quyền bảo vệ
---------------------------	-----------------------------	---------------------------	-------------------------

- + GV phát cho mỗi nhóm một số thẻ từ màu đỏ và một số thẻ từ màu vàng, mỗi thẻ từ chứa những nội dung trong bảng sau :

Nội dung thẻ màu đỏ	Nội dung thẻ màu vàng		
Là những quyền được sống và đáp ứng các nhu cầu cơ bản để tồn tại như được nuôi dưỡng, được chăm sóc sức khỏe,...	Được khai sinh	Được bảo vệ	Được chăm sóc sức khỏe
	Được sống chung với cha mẹ	Được sử dụng dịch vụ khám chữa bệnh	Được khám chữa bệnh
Là những quyền nhằm bảo vệ trẻ em khỏi mọi hình thức phân biệt đối xử, bị bỏ rơi, bị bóc lột và bị xâm hại,...	Được bảo vệ	Không bị bạo lực	Không bị bỏ rơi, bỏ mặc
	Không bị bóc lột	Không bị xâm hại trẻ em	Không bị làm tổn hại đến sự phát triển toàn diện

Là những quyền được đáp ứng các nhu cầu cho sự phát triển một cách toàn diện như được học tập, được vui chơi giải trí, tham gia các hoạt động văn hoá, nghệ thuật,...	Học tập	Vui chơi, giải trí	Tham gia các hoạt động văn hoá, văn nghệ.
Là những quyền được tham gia vào các công việc có ảnh hưởng đến cuộc sống của trẻ em như bày tỏ ý kiến, nguyện vọng của mình,...	Được tiếp cận thông tin	Được tham gia hoạt động xã hội	Được bày tỏ ý kiến, nguyện vọng

- + Yêu cầu HS các nhóm thảo luận, sắp xếp và gắn các thẻ đỏ, thẻ vàng, thẻ xanh vào vị trí phù hợp với các thẻ quyền trong bảng nhóm theo sơ đồ sau:

Thẻ quyền	Thẻ màu đỏ	Thẻ màu vàng	Thẻ màu xanh
Quyền sống còn			
Quyền phát triển			
Quyền tham gia			
Quyền bảo vệ			

- + HS các nhóm thực hiện nhiệm vụ, treo kết quả vào vị trí quy định và tiến hành bình chọn nhóm có sản phẩm tốt nhất (sắp xếp đúng, hình thức đẹp, sáng tạo). Nhóm được nhiều người bình chọn sẽ báo cáo kết quả trước lớp.
- + GV hướng dẫn HS kết luận theo khung chốt kiến thức cuối mục 1, trang 60 SGK.

Hoạt động 3. Tìm hiểu ý nghĩa của quyền trẻ em và việc thực hiện quyền trẻ em

a) Mục tiêu

- Giúp HS đọc và phân tích thông tin để phát biểu được ý nghĩa của quyền trẻ em và việc thực hiện quyền trẻ em.

- HS được phát triển năng lực tự học, nhận xét, tìm hiểu các hiện tượng kinh tế – xã hội.

b) Tổ chức thực hiện

- GV yêu cầu HS đọc thông tin 1, 2 và trả lời câu hỏi.
- GV nêu hoặc chiếu câu hỏi trên màn hình và yêu cầu HS viết câu trả lời ra giấy A4 hoặc vở nháp:
 - 1) Theo em vì sao Lan có thể tham gia tốt các hoạt động văn hoá, văn nghệ của trường lớp và địa phương?
 - 2) Vì sao Tuấn và em gái luôn chăm ngoan học giỏi, được thầy cô và bạn bè yêu quý?
 - 3) Em đã được hưởng những quyền gì của trẻ em? Hãy viết về cảm xúc và lợi ích của em khi được hưởng những quyền đó.
- HS thực hiện nhiệm vụ, sau đó trao đổi với các bạn theo cặp hoặc theo nhóm và viết ý nghĩa việc thực hiện các quyền cho trẻ em theo bảng gợi ý sau:

Đối với	Ý nghĩa
Bản thân	Là điều kiện cần thiết để trẻ em được phát triển đầy đủ, toàn diện, được sống hạnh phúc.
Gia đình	Tạo điều kiện xây dựng gia đình hạnh phúc, bền vững.
Xã hội	Xây dựng xã hội văn minh, có điều kiện phát triển và hội nhập.

- GV hướng dẫn HS kết luận: Quyền trẻ em và thực hiện quyền trẻ em sẽ mang lại cho trẻ em sự yêu thương, chăm sóc, giáo dục, vui chơi tốt nhất; trẻ em được sống hạnh phúc, được tạo điều kiện để phát triển toàn diện về thể chất, trí tuệ và tinh thần.

Lưu ý: GV có thể hướng dẫn HS khai thác nội dung này dưới hình thức khác. Ví dụ: Em hãy viết ra 3 điều mong muốn nhất của bản thân về quyền trẻ em và nêu suy nghĩ của em khi các mong muốn đó được thực hiện.

Hoạt động 4. Tìm hiểu trách nhiệm của gia đình, nhà trường, xã hội và bản phận của trẻ em trong việc thực hiện quyền trẻ em

a) Mục tiêu

- HS nêu được trách nhiệm của gia đình, nhà trường, xã hội và bản phận của trẻ em trong việc thực hiện quyền trẻ em.

- HS được phát triển năng lực nhận xét, năng lực tư duy phê phán, năng lực điều chỉnh hành vi.

b) Tổ chức thực hiện

- GV hướng dẫn HS xác định trách nhiệm của gia đình, nhà trường, xã hội trong việc thực hiện quyền trẻ em.
- + HS đọc và phân tích thông tin 1, 2 trang 61, 62 SGK và trả lời các câu hỏi cuối mỗi thông tin để xác định những đối tượng có trách nhiệm bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em theo quy định của pháp luật.
- + GV yêu cầu HS hoàn thành phiếu học tập:

PHIẾU HỌC TẬP	
Họ và tên: Lớp:	
<i>Em hãy ghi việc làm của các đối tượng có trách nhiệm bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em</i>	
Cơ quan, tổ chức, cá nhân	Việc làm thể hiện trách nhiệm
Gia đình	Nuôi dưỡng, quan tâm,...
Nhà trường	Dạy dỗ, tạo điều kiện học tập,...
Nhà nước	Bảo vệ, chăm sóc,...
Xã hội	Quan tâm, tạo môi trường,...
Công dân	Yêu quý, bên cạnh trẻ em,...

- + GV yêu cầu HS sau khi hoàn thành phiếu sẽ thảo luận cặp đôi và kể cho nhau nghe về một hành vi vi phạm quyền trẻ em đã được chứng kiến hoặc nghe kể lại.
- GV hướng dẫn HS xác định bốn phạm vi của trẻ em.
- + HS đọc thông tin 3 trang 62 SGK, nhập vai mình vào các nhân vật trong thông tin để nêu suy nghĩ và cách ứng xử phù hợp, sau đó gọi một số HS trình bày cách ứng xử trước lớp.
- + GV yêu cầu HS thảo luận nhóm để hoàn thành phiếu học tập 2 trên giấy A3.

PHIẾU HỌC TẬP 2

Họ và tên:..... Lớp:.....

Em hãy thống nhất ý kiến với bạn và ghi các bổn phận của trẻ em

Đối tượng	Bổn phận của trẻ em
Ông, bà, cha, mẹ	
Thầy giáo, cô giáo	
Bạn bè	
Em nhỏ	
Quê hương, đất nước	
Bản thân	

- + Các nhóm báo cáo kết quả theo kỹ thuật phòng tranh và nhận xét đánh giá theo kỹ thuật 3-2-1.
- + GV nhấn mạnh: Theo quy định của pháp luật, trẻ em là thành viên của gia đình, xã hội và có quyền được hưởng tất cả các quyền hợp pháp. Tuy nhiên, trẻ em không được lạm dụng quyền của mình mà đòi hỏi quá mức đối với gia đình và xã hội. Trẻ em cần biết cách ứng xử để thực hiện quyền của mình phù hợp trong từng hoàn cảnh. Bên cạnh việc hưởng quyền, trẻ em cũng cần biết thực hiện tốt bổn phận của mình.
- GV hướng dẫn HS kết luận:
 - + *Trách nhiệm của gia đình, nhà trường, xã hội:* Chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ em; dành điều kiện tốt nhất và tạo môi trường lành mạnh cho sự phát triển toàn diện của trẻ em; bảo đảm cho trẻ em được học tập và phát triển; giáo dục và giúp đỡ để trẻ em hiểu và thực hiện được quyền và bổn phận của trẻ em,...
 - + *Bổn phận của trẻ em:*
 - *Đối với gia đình:* Kính trọng, lễ phép, hiếu thảo với ông bà, cha mẹ; Học tập, rèn luyện, giữ gìn nề nếp gia đình,...

- *Đối với nhà trường:* Tôn trọng giáo viên, cán bộ, nhân viên nhà trường; Rèn luyện đạo đức, thực hiện tốt nhiệm vụ học tập; Chấp hành đầy đủ nội quy, quy định của nhà trường;...
- *Đối với bản thân:* Sống trung thực, khiêm tốn; Không đánh bạc; không mua, bán, sử dụng rượu, bia, thuốc lá và chất gây nghiện, chất kích thích khác,...

Lưu ý: Tùy điều kiện dạy học và đối tượng HS, GV có thể nêu thêm nhiều tình huống, câu chuyện giả định và yêu cầu học sinh sắm vai trong các tình huống để đưa ra những suy nghĩ và cách ứng xử phù hợp, từ đó xác định bốn phận và nghĩa vụ của mình.



LUYỆN TẬP

Hoạt động 5. Luyện tập

a) Mục tiêu

- HS nhận xét, đánh giá được hành vi thực hiện quyền trẻ em và hành vi vi phạm quyền trẻ em của bản thân, gia đình, nhà trường, cộng đồng.
- HS bày tỏ được nhu cầu và thực hiện tốt quyền và bốn phận của trẻ em.

b) Tổ chức thực hiện

Bài tập 1:

- Bài tập này yêu cầu HS nhận diện lại những quyền và nhóm quyền của trẻ em, những việc làm thực hiện tốt quyền trẻ em và trách nhiệm của gia đình, nhà trường, xã hội, bản thân trong việc thực hiện những quyền đó
- GV yêu cầu HS cùng bạn ngồi cạnh thực hiện hoạt động này sau đó chia sẻ với các bạn trong bàn, trong tổ/nhóm.

Bài tập 2:

- Bài tập này giúp HS nhận biết các hành vi vi phạm quyền trẻ em và những hành vi bảo vệ quyền trẻ em diễn ra trong thực tiễn, thông qua đó có thể nhận thức được các biện pháp bảo vệ mình trước các hành vi xấu.
- HS hoàn thành phiếu học tập 3.

PHIẾU HỌC TẬP 3

Họ và tên:..... Lớp:.....

Em hãy xác định hành vi thực hiện quyền trẻ em và hành vi xâm phạm quyền trẻ em

TT	Hành vi	Thực hiện quyền trẻ em	Xâm phạm quyền trẻ em
1	Tổ chức việc làm cho trẻ em gặp khó khăn		
2	Thường xuyên tiêm phòng dịch bệnh cho trẻ em		
3	Ngược đãi trẻ em		
4	Bắt trẻ em bỏ học để đi lao động kiếm tiền		
5	Tổ chức các hoạt động vui chơi cho trẻ em nhân ngày Quốc tế Thiếu nhi 1/6		
6	Lôi kéo trẻ tham gia vào các tệ nạn xã hội		

- Sau khi HS hoàn thành phiếu, yêu cầu HS trao đổi theo cặp để đưa ra cách ứng xử và biện pháp giải quyết đối với những hành vi vi phạm quyền trẻ em.
- GV hướng dẫn HS đóng vai thực hiện *bài tập 3*:
 - + HS đọc bài tập 3 phần Luyện tập trang 63 SGK, thảo luận trong nhóm để xây dựng kịch bản và tổ chức đóng vai xử lý tình huống này.
 - + GV gọi 1 – 2 nhóm lên thực hiện đóng vai theo kịch bản, các nhóm còn lại theo dõi, nhận xét, bổ sung.
- GV dựa vào kết quả của hoạt động này để kết luận.

**a) Mục tiêu**

HS xây dựng được kế hoạch thực hiện quyền trẻ em của bản thân và thực hiện theo kế hoạch đã xây dựng.

b) Tổ chức thực hiện

- GV hướng dẫn HS vẽ tranh theo chủ đề:
 - + HS làm việc nhóm, vẽ tranh trên giấy khổ lớn và trưng bày tranh vẽ tại lớp.
 - + GV tổ chức cho HS bình tranh theo các tiêu chí (Hình thức sáng tạo; Nội dung thông điệp rõ ràng, ý nghĩa; Thuyết trình, giới thiệu hấp dẫn, thuyết phục,...).
- GV hướng dẫn HS xây dựng kế hoạch thực hiện quyền trẻ em theo gợi ý sau:
 - + HS thảo luận theo nhóm để xác định:
 - Những việc làm trong học tập, trong quan hệ với mọi người xung quanh ở nhà, ở trường và ở ngoài xã hội thể hiện em đã thực hiện tốt và chưa tốt quyền trẻ em.
 - Cách thức phát huy những việc làm tốt và biện pháp khắc phục những việc làm chưa tốt.
 - + Thống nhất ý kiến và xây dựng kế hoạch thực hiện quyền trẻ em. Giới thiệu kế hoạch trước lớp và xin ý kiến GV, người thân để hoàn thiện kế hoạch.
 - + Từng thành viên trong nhóm thực hiện kế hoạch và thường xuyên báo cáo kết quả thực hiện cho nhóm trưởng.
 - + Các nhóm chia sẻ kết quả thực hiện trong giờ GD CD hoặc tiết Hoạt động trải nghiệm theo loại hình sinh hoạt lớp.

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

280 An Dương Vương, Phường 4, Quận 5, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 38 301 303 – 39 381 382 – Fax: (028) 39 381 382

Email: nxb@hcmue.edu.vn – Website: <http://nxb.hcmue.edu.vn>

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc – Tổng biên tập

LÊ THANH HÀ

Biên tập:

LÊ THỊ THUỶ TRANG – LÊ THANH TÂM

NGUYỄN THỊ THUỶ LINH

Trình bày bìa:

TRẦN TIỂU LÂM

Thiết kế sách:

NGUYỄN TRIỀU DƯƠNG

Sửa bản in:

NGUYỄN THỊ THUỶ LINH

Tổ chức bản thảo và chịu trách nhiệm bản quyền nội dung:

CÔNG TY ĐẦU TƯ XUẤT BẢN – THIẾT BỊ GIÁO DỤC VIỆT NAM

Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc: NGUYỄN NGÔ TRẦN ÁI

Địa chỉ: Tầng 5, toà nhà hỗn hợp AZ Lâm Viên, 107 đường Nguyễn Phong Sắc,

P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

SÁCH GIÁO VIÊN GIÁO DỤC CÔNG DÂN 6

Mã số: VGGC0060021B

ISBN: 978-604-309-615-6

In 16.000 cuốn, khổ 17 x 24cm, tại Công ty TNHH MTV

Nhà Xuất bản Tài nguyên Môi trường và Bản đồ Việt Nam

Địa chỉ: Số 14 Pháo Đài Láng, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, TP. Hà Nội

Cơ sở in: Nhà máy in Bản đồ. Địa chỉ: Số 85 đường Nguyễn Chí Thanh, quận Đống Đa, TP. Hà Nội

Số xác nhận đăng ký xuất bản: 1793-2021/CXBIPH/2-35/ĐHSPTPHCM

Quyết định xuất bản số: 277/QĐ-NXBĐHSPTPHCM ngày 28/5/2021

In và nộp lưu chiểu năm 2021

**Mang cuộc sống vào bài học
Đưa bài học vào cuộc sống**



BỘ SÁCH GIÁO KHOA LỚP 6

Cánh Diều

1. Ngữ văn 6 (Tập một, Tập hai)
2. Toán 6 (Tập một, Tập hai)
3. Giáo dục công dân 6
4. Lịch sử và Địa lí 6
5. Khoa học tự nhiên 6
6. Công nghệ 6
7. Tin học 6
8. Giáo dục thể chất 6
9. Âm nhạc 6
10. Mĩ thuật 6
11. Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 6
12. Tiếng Anh 6 Explore English

TÌM ĐỌC

CÁC SÁCH BỔ TRỢ VÀ THAM KHẢO LỚP 6 (Cánh Diều)
THEO TỪNG MÔN HỌC



TEM CHỐNG GIÀ

Dùng điện thoại quét mã QR để truy cập
trang web: <https://canhdiieu.monkey.edu.vn>

ISBN: 978-604-309-615-6



9 786043 096156